

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT Chuyên Hùng Vương

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBMcn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBMcn	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
1	001	010001	CAO THỂ ANH	Nam	13/10/2002	BVĐK TX. Phú Thọ - T. Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,3	9,0	0,0	1,5	1,5	6,75	6,50	7,25	Toán	1,75	Tin học	3,50	NPTG;
2	001	010002	ĐÀO QUANG ANH	Nam	04/01/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	5,25	7,50	7,50	Toán	3,00	Tin học	2,25	NPTG;
3	001	010003	HÀ VIỆT ANH	Nam	14/12/2002	Thanh Ba - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,9	8,8	11,0	0,0	3,0	3,0	7,25	8,00	6,00	Toán	5,25	Tin học	5,00	HSG2; NPTG;
4	001	010004	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	24/02/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	9,0	8,0	0,0	1,0	1,0	5,25	9,00	8,50	Toán	2,50	Tin học	4,50	NPTK;
5	001	010005	NGUYỄN VŨ ANH	Nam	25/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	6,25	8,25	Toán	2,50	Tin học	4,00	NPTG;
6	001	010006	PHẠM NGỌC ANH	Nam	30/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,9	7,7	6,5	0,0	1,5	1,5	6,50	5,25	8,50	Toán		Tin học	1,75	NPTG;
7	001	010007	TẠ PHƯƠNG ANH	Nữ	28/12/2002	Thanh Thủy - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,3	8,2	9,0	0,0	1,5	1,5	6,75	7,00	8,25	Toán	4,25			NPTG;
8	001	010008	CHU THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	15/04/2002	Bệnh viện Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,3	8,8	9,0	0,0	1,5	1,5	7,50	6,50	8,50	Toán	3,75			NPTG;
9	001	010009	TRẦN XUÂN BÁCH	Nam	07/11/2002	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	Tốt	Giỏi	16,6	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	5,25	7,25	8,00	Toán	1,50	Tin học	1,50	NPTG;
10	001	010010	ĐINH CÔNG BẰNG	Nam	27/03/2002	Thụy Vân - Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	8,00	8,50	Toán	1,25	Tin học	1,25	NPTG;
11	001	010011	NGÔ PHÚ BÌNH	Nam	26/09/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,0	8,0	1,0	1,5	2,5	6,25	4,00	7,50	Toán	1,75	Tin học	1,00	DT; NPTG;
12	001	010012	PHẠM NGỌC MINH CHÂU	Nữ	25/02/2002	BVĐK TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,8	9,0	0,0	1,5	1,5	6,75	9,25	8,75	Toán	3,50	Tin học	5,25	NPTG;
13	001	010013	VŨ LINH CHI	Nữ	10/02/2002	Khoa Sản BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,6	9,3	10,0	0,0	3,5	3,5	8,50	8,75	9,25	Toán	5,00			HSG3; HOMC3; NPTG;
14	001	010014	NGUYỄN CẢNH DINH	Nam	05/01/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,6	8,9	11,0	0,0	4,5	4,5	7,50	9,25	9,25	Toán	7,25	Tin học	4,25	HSG2; HOMC2; NPTG;
15	001	010015	ĐỖ CHÍ DŨNG	Nam	08/11/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	4,50	7,75	7,50	Toán	3,50	Tin học	3,25	NPTG;
16	002	010016	HÀ VĂN QUỐC DŨNG	Nam	24/06/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	8,25	8,00	Toán	3,00	Tin học	4,50	NPTG;
17	002	010017	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	Nam	17/02/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,7	8,9	11,0	0,0	3,0	3,0	8,00	9,25	8,25	Toán	4,25			HSG2; NPTG;
18	002	010018	NGUYỄN THÀNH DƯƠNG	Nam	22/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,3	8,0	2,0	1,5	3,5	5,75	7,25	8,00	Toán	2,00	Tin học	3,75	CCS2; NPTG;
19	002	010019	NGUYỄN THUY DƯƠNG	Nữ	26/04/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,8	9,3	11,0	0,0	3,0	3,0	7,75	9,50	9,00	Toán	8,50	Tin học		HSG2; NPTG;
20	002	010020	PHẠM ĐĂNG DƯƠNG	Nam	23/09/2002	TT Y tế h.Cẩm Khê-Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,0	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	5,50	8,50	Toán	4,50	Tin học	5,25	NPTG;
21	002	010021	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	30/04/2002	BV xây dựng Việt Trì	Tốt	Giỏi	15,4	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	7,50	8,50	Toán	2,00	Tin học		NPTG;
22	002	010022	LÊ NGUYỄN ĐÔNG	Nam	06/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,0	7,0	0,0	1,5	1,5	7,25	5,50	8,50	Toán	1,00	Tin học	2,75	NPTG;
23	002	010023	HOÀNG CÔNG ĐỨC	Nam	31/05/2002	BV ĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,00	8,50	Toán	5,75	Tin học	5,00	NPTG;
24	002	010024	HOÀNG MINH ĐỨC	Nam	07/11/2002	BVĐK tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,4	11,0	0,0	3,0	3,0	7,75	6,00	8,75	Toán	5,25			HSG2; NPTG;
25	002	010025	KHUẤT VĂN ĐỨC	Nam	15/08/2002	Văn Yên - Yên Bái	Tốt	Giỏi	16,2	8,2	9,0	0,0	1,5	1,5	7,50	7,50	9,00	Toán	3,75	Tin học	5,25	NPTG;
26	002	010026	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	04/02/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,1	9,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,25	8,00	Toán	5,00	Tin học	4,75	NPTG;
27	002	010027	NGUYỄN HẢI ĐỨC	Nam	23/11/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	4,50	7,50	8,50	Toán	3,00	Tin học	4,25	NPTG;
28	002	010028	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	19/02/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,5	7,8	6,5	0,0	1,5	1,5	5,75	5,75	8,50	Toán	2,75	Tin học	3,00	NPTG;
29	002	010029	PHẠM TRUNG ĐỨC	Nam	15/04/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,3	9,0	0,0	1,5	1,5	4,75	7,25	8,00	Toán	3,50	Tin học	5,25	NPTG;
30	002	010030	HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	02/03/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	5,25	8,50	8,50	Toán	2,00	Tin học	3,00	NPTG;
31	003	010031	ĐÀO THU HÀ	Nữ	12/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,4	8,0	0,0	1,0	1,0	6,75	8,25	7,50	Toán	1,75	Tin học	3,75	NPTK;
32	003	010032	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	30/03/2002	TX xã Tiên Kiên	Tốt	Giỏi	17,2	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	7,75	8,75	Toán	3,00	Tin học	5,00	NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcơ bản	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
33	003	010033	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	16/08/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,9	8,7	9,0	0,0	1,5	1,5	7,75	5,00	9,50	Toán	4,50	Tin học	6,75	NPTG;
34	003	010034	PHẠM NHẬT HẠ	Nữ	22/04/2002	Thanh Ba-Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	7,50	8,75	Toán	5,00	Tin học	4,25	NPTG;
35	003	010035	NGUYỄN NGÂN HẰNG	Nữ	07/09/2002	Phù Ninh, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5				Toán		Vật lí		NPTG;
36	003	010036	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	14/05/2002	BV Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,9	11,0	0,0	3,0	3,0	6,00	8,75	8,25	Toán	5,50			HSG2; NPTG;
37	003	010037	TRẦN THU HẰNG	Nữ	13/03/2002	BVĐKTX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,6	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	7,75	8,25	Toán	4,25			NPTG;
38	003	010038	TRIỆU NGUYỆT HẰNG	Nữ	22/07/2002	BVĐKTƯ Thái Nguyên	Tốt	Giỏi	17,7	9,3	9,0	1,0	1,5	2,5	7,75	9,75	8,50	Toán	3,75	Tin học	5,00	DT; NPTG;
39	003	010039	ĐOÀN THỊ THU HẬU	Nữ	02/10/2002	Nam Trục - Nam Định	Tốt	Giỏi	17,9	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,25	8,50	Toán	3,25	Tin học	3,00	NPTG;
40	003	010040	NGUYỄN THÚY HIỀN	Nữ	03/03/2002	Thanh Thủy - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,9	9,1	9,0	0,0	1,5	1,5				Toán		Tin học		NPTG;
41	003	010041	BÙI TRỌNG HIẾU	Nam	20/03/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,6	8,9	10,0	0,0	2,5	2,5	6,75	8,25	9,50	Toán	4,75	Tin học	6,75	HSG3; NPTG;
42	003	010042	NGUYỄN TRUNG HIỆP	Nam	02/01/2002	BVĐK TX Phú Thọ	Tốt	Khá	14,7	8,1	6,0	0,0	1,5	1,5	5,00	6,25	8,00	Toán		Vật lí	6,00	NPTG;
43	003	010043	LÊ NGỌC HOA	Nữ	05/01/2002	BV thị xã Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,2	9,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	8,75	8,25	Toán	2,50	Tin học	6,00	NPTG;
44	003	010044	VŨ THỊ QUỲNH HOA	Nữ	20/03/2002	Sông Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,5	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,25	8,50	Toán	1,00	Tin học	2,00	NPTG;
45	003	010045	NGUYỄN KHÁNH HOÀI	Nữ	11/10/2002	Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Khá	14,5	7,8	6,5	0,0	1,0	1,0	6,00	5,25	3,75	Toán	1,00	Tin học	2,00	NPTK;
46	004	010046	ĐỖ HUY HOÀNG	Nam	28/02/2002	BV h. Lâm Thao Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	8,00	8,50	Toán	5,00	Tin học	4,00	NPTG;
47	004	010047	LÊ HUY HOÀNG	Nam	03/05/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	10,0	0,0	2,5	2,5	4,50	6,75	8,25	Toán	5,00	Tin học	4,00	HSG3; NPTG;
48	004	010048	LÊ VIỆT HOÀNG	Nam	20/01/2002	H. Sông Thao - T. Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	5,25	8,25	Toán	4,00			NPTG;
49	004	010049	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	26/02/2002	BV Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,9	8,8	12,0	0,0	5,5	5,0	5,25	9,75	9,00	Toán	5,00	Tin học	7,00	HSG1; HOMC1; NPTG;
50	004	010050	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	22/08/2002	BV Phú Thọ - T. Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,25	8,50	Toán	2,25	Tin học	5,25	NPTG;
51	004	010051	PHẠM TRỌNG HUY	Nam	18/04/2002	Tam Nông, Phú Thọ	Tốt	Khá	13,9	7,6	6,5	0,0	1,5	1,5	6,25	6,00	8,00	Toán	0,25			NPTG;
52	004	010052	VI ĐỨC HUY	Nam	29/11/2002	Thanh Ba- Phú Thọ	Tốt	Khá	15,0	7,8	6,5	0,0	1,5	1,5	4,25	5,25	6,00	Toán	1,00	Tin học	1,25	NPTG;
53	004	010053	LÊ QUỐC HÙNG	Nam	05/10/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,00	7,75	Toán	4,50	Tin học	5,00	NPTG;
54	004	010054	HÁN THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	29/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,0	9,2	9,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,75	8,75	Toán	4,00	Tin học	5,75	NPTG;
55	004	010055	ĐÀO NGỌC KHÁNH	Nam	19/08/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,9	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	7,75	8,25	Toán	3,50	Tin học	4,00	NPTG;
56	004	010056	NGUYỄN VĂN QUỐC KHÁNH	Nam	01/09/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,8	8,7	11,0	0,0	3,0	3,0	6,75	9,25	8,75	Toán	3,25	Tin học	5,00	HSG2; NPTG;
57	004	010057	BÙI ĐÌNH KHIÊM	Nam	03/03/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,3	12,0	0,0	3,5	3,5	6,50	8,75	7,75	Toán	3,00	Tin học	5,00	KTLMQG; NPTG;
58	004	010058	CHU VIỆT KIẾN	Nam	13/07/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,7	10,0	0,0	2,5	2,5	7,50	8,25	8,75	Toán	4,50			HSG3; NPTG;
59	004	010059	NGUYỄN TÙNG LÂM	Nam	06/04/2002	Lâm Thao, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,3	8,9	10,0	0,0	2,5	2,5	7,00	8,25	7,00	Toán	4,50	Tin học	5,00	HOMC3; NPTG;
60	004	010060	HOÀNG MINH LÊ	Nữ	11/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	6,25	5,50	8,50	Toán	1,00	Tin học	2,25	NPTG;
61	005	010061	BÙI THỊ THÙY LINH	Nữ	27/01/2002	Sơn Vi - Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,6	9,0	10,0	0,0	2,5	2,5	8,00	9,50	8,50	Toán	3,75	Tin học	6,00	HSG3; NPTG;
62	005	010062	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	03/03/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,4	9,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,75	7,00	Toán	3,00	Tin học	3,75	NPTG;
63	005	010063	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	10/01/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	8,00	8,50	Toán	3,25	Tin học	5,25	NPTG;
64	005	010064	TRẦN THỊ NGỌC LINH	Nữ	28/09/2002	Hạ Hòa - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,7	9,0	0,0	2,5	2,5	6,50	6,00	8,00	Toán	1,50	Vật lí	6,50	HSG3; NPTG;
65	005	010065	TRẦN YẾN LINH	Nữ	08/08/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,2	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	7,75	9,00	Toán	4,50	Tin học	5,50	NPTG;
66	005	010066	TRINH HOÀNG LINH	Nam	29/11/2002	BV dệt Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,2	8,0	0,0	1,0	1,0	5,75	7,25	8,50	Toán	0,00	Tin học	3,00	NPTK;
67	005	010067	ĐẶNG ĐỨC LONG	Nam	16/03/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	6,25	7,50	Toán	1,75	Tin học	4,25	NPTG;
68	005	010068	TRẦN DUY LONG	Nam	03/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,4	9,0	0,0	1,5	1,5	7,25	8,25	8,25	Toán	4,00	Tin học	5,00	NPTG;
69	005	010069	TRẦN TIẾN LONG	Nam	06/04/2002	Viện BVBMVTSS Hà Nội	Tốt	Giỏi	18,5	9,2	10,0	0,0	2,5	2,5	8,25	9,25	9,00	Toán	4,25	Tin học	6,25	HSG3; NPTG;
70	005	010070	LÊ VĂN LƯỢNG	Nam	30/03/2002	Bệnh viện Tân Phú	Tốt	Giỏi	15,1	8,0	5,0	0,0	1,5	1,5	4,25	1,25	6,00	Toán	1,00	Vật lí	1,00	NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcđ	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
71	005	010071	LÊ XUÂN MẠNH	Nam	23/03/2002	Thanh Thủy - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	4,75	4,00	8,50	Toán	2,50	Tin học		NPTG;
72	005	010072	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	15/09/2002	Cẩm Khê - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,4	11,0	0,0	4,0	4,0	6,00	7,25	8,50	Toán	4,75	Tin học	6,75	HSG2; TDTT3; NPTG;
73	005	010073	PHAN ĐỨC MẠNH	Nam	09/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,1	7,5	0,0	1,5	1,5	6,75	5,50	7,25	Toán	2,00	Tin học	3,75	NPTG;
74	005	010074	TRIỆU QUANG MẠNH	Nam	29/04/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,5	8,6	11,0	0,0	3,0	3,0	6,75	6,50	8,25	Toán	4,50			HSG2; NPTG;
75	005	010075	VŨ HÀ MI	Nữ	10/12/2002	Liên Bang Nga	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	7,5	0,0	1,5	1,5	6,00	5,50	7,50	Toán	1,00	Tin học	2,50	NPTG;
76	006	010076	LÊ ANH MINH	Nam	06/09/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,3	9,0	0,0	1,5	1,5	6,25	6,00	8,00	Toán	4,50	Tin học	4,25	NPTG;
77	006	010077	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	27/10/2002	Cẩm Khê - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,7	11,0	0,0	3,0	3,0	7,50	9,00	9,50	Toán	5,00	Tin học	6,25	HSG2; NPTG;
78	006	010078	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	12/06/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,25	8,50	Toán	4,25	Tin học	5,25	NPTG;
79	006	010079	NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	09/01/2003	BVĐK TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,00	8,00	Toán	3,00	Tin học	2,50	NPTG;
80	006	010080	BÙI THẢO MY	Nữ	17/07/2002	BV Phụ Sản Hà Nội	Tốt	Giỏi	18,1	8,7	9,0	0,0	1,5	1,5	7,50	6,00	8,50	Toán	3,50			NPTG;
81	006	010081	TRẦN HÀ MY	Nữ	26/02/2002	BVĐK h.Sông Thao, tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,7	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,75	8,50	Toán	4,00			NPTG;
82	006	010082	DƯƠNG THÀNH NAM	Nam	03/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,8	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,00	9,00	Toán	2,00	Tin học	4,00	NPTG;
83	006	010083	ĐẶNG NAM	Nam	07/12/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,0	7,0	0,0	1,5	1,5	4,00	7,50	7,75	Toán	2,00	Tin học	3,00	NPTG;
84	006	010084	HÀ HẢI NAM	Nam	22/01/2002	Sông Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	6,50	8,75	8,25	Toán	3,75	Tin học	5,25	NPTG;
85	006	010085	PHÙNG PHƯƠNG NAM	Nam	16/12/2002	Trạm y tế xã Minh Nông	Tốt	Giỏi	17,3	8,7	10,0	0,0	2,5	2,5	6,25	8,75	9,25	Toán	6,75	Tin học	6,50	HSG3; NPTG;
86	006	010086	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	Nam	15/09/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,1	7,0	0,0	1,5	1,5	5,50	7,50	8,00	Toán	1,00	Tin học	2,25	NPTG;
87	006	010087	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	11/08/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	8,25	8,50	Toán	2,00			NPTG;
88	006	010088	VŨ KHÁNH NGUYỄN	Nữ	19/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,8	9,0	9,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,00	9,00	Toán	3,50	Tin học	5,25	NPTG;
89	006	010089	NGUYỄN LÊ NIÊN	Nam	01/09/2002	BV Chè Sông Lô	Tốt	Khá	15,2	7,4	6,0	0,0	1,5	1,5	5,50	4,50	8,50	Toán	1,00	Tin học	1,75	NPTG;
90	006	010090	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	27/11/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,5	7,5	6,5	0,0	1,5	1,5	3,50	6,25	4,25	Toán	0,50	Tin học	0,00	NPTG;
91	007	010091	BÙI THỊ QUỲNH	Nữ	07/09/2002	Bệnh xá xã Sơn Vi	Tốt	Giỏi	18,5	8,6	10,0	0,0	2,5	2,5	7,50	8,50	8,50	Toán	7,50	Tin học		HSG3; NPTG;
92	007	010092	NGUYỄN THÚY QUỲNH	Nữ	01/04/2002	B.xá CT Giấy BB Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,75	8,75	Toán	4,75	Tin học	4,50	NPTG;
93	007	010093	BÙI QUANG SÁNG	Nam	12/02/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,7	8,5	11,0	0,0	4,5	4,5	6,25	7,25	8,00	Toán	4,50	Tin học	6,75	HSG2; HOMC2; NPTG;
94	007	010094	LÊ THU THẢO	Nữ	26/06/2002	BV huyện Thanh Sơn	Tốt	Khá	13,8	7,8	7,0	0,0	1,5	1,5	5,75	5,50	8,25	Toán	2,50			NPTG;
95	007	010095	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/03/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,5	8,5	7,5	0,0	1,5	1,5	6,75	7,75	8,50	Toán	1,00	Tin học	1,50	NPTG;
96	007	010096	ĐẶNG TIẾN THÀNH	Nam	29/11/2002	BVĐK TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	5,50	8,75	Toán	5,00			NPTG;
97	007	010097	PHÙNG HÀ THÀNH	Nam	26/08/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	6,25	8,00	Toán	3,75	Tin học	3,50	NPTG;
98	007	010098	PHAM THU THỦY	Nữ	22/03/2002	Yên Lập - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,6	8,8	12,0	1,0	3,5	4,5	7,75	9,00	7,75	Toán	3,00			DT; KTLMQG; NPTG;
99	007	010099	HÀ THỊ DIỆU THÚY	Nữ	07/03/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	7,50	8,50	Toán	4,00			NPTG;
100	007	010100	NGUYỄN HUY TOÀN	Nam	20/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,2	9,0	10,0	0,0	2,5	2,5	7,00	9,75	8,75	Toán	5,75	Tin học	7,25	HSG3; NPTG;
101	007	010101	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	21/11/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,4	9,3	11,0	0,0	3,0	3,0	8,50	9,75	8,75	Toán	3,75	Tin học	4,00	HSG2; NPTG;
102	007	010102	TRẦN THỊ HIỀN TRANG	Nữ	03/01/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,1	9,1	9,0	0,0	1,5	1,5	9,00	9,50	9,00	Toán	5,75	Tin học	7,50	NPTG;
103	007	010103	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	18/03/2002	Xã Văn Lung - TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	8,75	7,75	8,00	Toán	2,50	Tin học	4,25	NPTG;
104	007	010104	LÊ ĐÌNH TRUNG	Nam	28/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	8,25	8,25	Toán	3,75	Tin học	5,00	NPTG;
105	007	010105	LƯU QUANG TRUNG	Nam	15/05/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,0	7,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,50	8,50	Toán	2,25	Tin học	3,50	NPTG;
106	008	010106	ĐÀO HỒNG TRƯỜNG	Nam	11/07/2002	TT y tế H.Thanh Sơn	Tốt	Giỏi	16,7	8,8	9,0	0,0	1,5	1,5	8,00	7,25	8,75	Toán	5,00	Tin học	5,25	NPTG;
107	008	010107	LÊ ANH TUẤN	Nam	07/03/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,8	11,0	0,0	3,0	3,0	8,25	8,75	8,75	Toán	5,25	Tin học	5,25	HSG2; NPTG;
108	008	010108	LÊ HOÀNG TÙNG	Nam	11/03/2002	BV ĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,0	8,0	0,0	1,5	1,5	8,25	7,25	6,75	Toán	0,00	Tin học	1,00	NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcơ	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
109	008	010109	LƯƠNG ĐÌNH TÙNG	Nam	20/01/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	16,0	7,7	7,5	0,0	1,5	1,5	6,75	6,25	6,50	Toán	1,00	Tin học	0,75	NPTG;
110	008	010110	HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	Nữ	22/03/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,1	8,9	8,0	1,0	1,5	2,5	7,00	4,00	7,50	Toán	2,50			DT; NPTG;
111	008	010111	NGUYỄN THỊ THÙY VÂN	Nữ	15/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	9,1	8,0	0,0	0,0	0,0	7,75	7,25	7,00	Toán	2,25	Tin học	3,00	
112	008	010112	BÙI TRỌNG VINH	Nam	21/11/2002	Phù Ninh- Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,7	8,7	10,0	0,0	2,5	2,5	8,50	7,50	8,50	Toán	4,00			HSG3; NPTG;
113	008	010113	HOÀNG BẢO YẾN	Nữ	20/01/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,2	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	8,75	8,75	7,50	Toán	5,25	Tin học	5,25	NPTG;
114	008	010114	KHÔNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	15/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,8	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	8,25	8,50	8,50	Toán	4,75	Tin học	6,25	NPTG;
115	008	010115	BÙI THU AN	Nữ	08/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	7,75	6,25	Ngữ văn	4,75			NPTG;
116	008	010116	VŨ THỊ THÚY AN	Nữ	28/01/2002	BV Dệt may KV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,4	11,0	0,0	3,0	3,0	8,00	5,50	6,75	Ngữ văn	7,00			HSG2; NPTG;
117	008	010117	ĐINH HIỀN ANH	Nữ	10/07/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,3	6,5	1,0	1,0	2,0	8,75	6,75	6,50	Ngữ văn	5,50			CDT; NPTK;
118	008	010118	LÂM HOÀNG ANH	Nữ	06/01/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Khá	15,5	8,0	7,0	0,0	1,5	1,5	7,50	5,25	6,75	Ngữ văn	3,00			NPTG;
119	008	010119	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	05/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	9,00	8,00	7,75	Ngữ văn	4,25			NPTG;
120	008	010120	PHAN MAI ANH	Nữ	27/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	6,25	5,00	Ngữ văn	3,00			NPTG;
121	009	010121	TRẦN THỊ NGỌC ANH	Nữ	07/04/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,2	7,5	0,0	0,0	0,0	6,75	6,50	7,00	Ngữ văn	5,00			
122	009	010122	BÙI TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	27/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,7	7,7	7,0	0,0	1,5	1,5	6,25	8,50	6,00	Ngữ văn	3,50	Tiếng Pháp	2,80	NPTG;
123	009	010123	NGUYỄN MINH ÁNH	Nữ	30/04/2002	Ba Vì - Hà Tây	Tốt	Giỏi	16,4	8,2	10,0	0,0	2,5	2,5	7,25	5,50	6,75	Ngữ văn	4,00			KHKT3; NPTG;
124	009	010124	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	10/03/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,7	8,1	6,5	0,0	1,5	1,5	7,00	7,25	8,25	Ngữ văn	3,50			NPTG;
125	009	010125	ĐINH ÁNH BÌNH	Nữ	15/05/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,7	8,1	7,0	1,0	1,0	2,0	7,00	5,00	8,00	Ngữ văn	4,00			DT; NPTK;
126	009	010126	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Nữ	19/01/2002	Trạm y tế phường Bạch Hạc	Tốt	Giỏi	17,8	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	7,75	8,50	Ngữ văn	5,50			NPTG;
127	009	010127	HOÀNG NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	04/10/2002	Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,00	8,00	Ngữ văn	5,50			NPTG;
128	009	010128	CAO HÀ CHI	Nữ	12/05/2002	Trạm y tế phường Bạch Hạc	Tốt	Giỏi	17,4	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	4,00	5,75	Ngữ văn	4,25			NPTG;
129	009	010129	ĐOÀN LINH CHI	Nữ	25/01/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,3	9,1	8,0	0,0	1,0	1,0	8,25	9,75	8,25	Ngữ văn	5,25			NPTK;
130	009	010130	NGUYỄN THỊ HUỆ CHI	Nữ	22/07/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,8	7,8	7,5	0,0	1,5	1,5	7,00	7,00	7,50	Ngữ văn	4,75			NPTG;
131	009	010131	ĐẶNG HẢI CHUYỀN	Nữ	25/06/2002	BVĐK TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	6,50	6,00	Ngữ văn	6,25	Lịch sử		NPTG;
132	009	010132	BÙI PHAN THÙY DUNG	Nữ	19/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,0	7,5	0,0	1,5	1,5	6,25	5,50	7,75	Ngữ văn	3,50	Tiếng Pháp	2,10	NPTG;
133	009	010133	ĐỖ TIỀN DŨNG	Nam	03/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,2	7,3	6,0	0,0	1,5	1,5	7,50	5,75	6,50	Ngữ văn	2,75			NPTG;
134	009	010134	HOÀNG THẾ DŨNG	Nam	07/12/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,2	12,0	0,0	3,5	3,5	6,50	4,00	4,50	Ngữ văn	7,00	Hoá học		KTLMQG; NPTG;
135	009	010135	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	24/10/2002	Bệnh viện huyện Thanh Ba	Tốt	Giỏi	16,1	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	7,50	7,25	Ngữ văn	6,00	Tiếng Pháp	3,40	NPTG;
136	010	010136	BÙI QUỲNH GIANG	Nữ	25/06/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,1	8,0	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,00	7,00	Ngữ văn	4,00			NPTG;
137	010	010137	NGUYỄN THỊ GIANG	Nữ	04/07/2002	Trạm y tế xã Sông Lô	Tốt	Giỏi	17,2	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	7,00	5,50	Ngữ văn	5,00			NPTG;
138	010	010138	LÊ THỊ NGỌC HÀ	Nữ	02/07/2002	BV Dệt Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,6	8,0	2,0	1,5	3,5	7,25	8,50	5,50	Ngữ văn	6,00			CTB2; NPTG;
139	010	010139	NGUYỄN VIỆT HÀ	Nữ	11/04/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	6,50	8,50	Ngữ văn	4,25			NPTG;
140	010	010140	DƯƠNG NGỌC HẰNG	Nữ	11/10/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	9,0	0,0	1,5	1,5	8,25	6,25	7,00	Ngữ văn	6,25			NPTG;
141	010	010141	TRẦN THỊ THANH HIỀN	Nữ	28/09/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	8,9	9,0	0,0	1,5	1,5	7,75	8,00	8,50	Ngữ văn	7,50			NPTG;
142	010	010142	BÙI MINH HIẾU	Nam	12/05/2002	Lạc Thủy - Hòa Bình	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	7,0	1,0	1,5	2,5	5,25	6,50	8,50	Ngữ văn	2,75			CDT; NPTG;
143	010	010143	ĐẶNG PHƯƠNG HOA	Nữ	13/01/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	5,75	8,00	8,25	Ngữ văn	3,50			NPTG;
144	010	010144	NGUYỄN THỊ HÒA	Nữ	21/07/2002	Thanh Ba - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,8	11,0	0,0	3,0	3,0	8,00	7,25	4,50	Ngữ văn	7,25			HSG2; NPTG;
145	010	010145	LÊ THỊ HOA HỒNG	Nữ	17/04/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Khá	13,8	7,5	6,0	0,0	1,5	1,5	5,25	7,50	6,50	Ngữ văn	5,75	Tiếng Pháp	2,70	NPTG;
146	010	010146	NGUYỄN BÍCH HỒNG	Nữ	20/04/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	8,25	6,00	8,00	Ngữ văn	4,75			NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBMcn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBMcn	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
147	010	010147	ĐẶNG GIA HUY	Nam	12/06/2002	BV Dệt may Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	7,75	8,00	Ngữ văn	6,00			NPTG;
148	010	010148	ĐỖ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	23/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	12,9	7,6	7,0	0,0	1,5	1,5	5,00	4,00	1,50	Ngữ văn	3,75	Địa lí		NPTG;
149	010	010149	PHẠM NGỌC HUYỀN	Nữ	04/09/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,1	7,5	0,0	1,5	1,5	6,75	7,50	5,50	Ngữ văn	5,00			NPTG;
150	010	010150	TA KHÁNH HUYỀN	Nữ	18/10/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	8,50	7,00	Ngữ văn	6,25			NPTG;
151	011	010151	TRƯƠNG THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	18/01/2002	BV xây dựng Việt Trì	Tốt	Giỏi	14,6	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	4,00	5,00	Ngữ văn	5,50			NPTG;
152	011	010152	VŨ THỊ THU HUYỀN	Nữ	22/04/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,9	7,3	6,0	0,0	1,0	1,0	6,50	6,75	4,50	Ngữ văn	6,00			NPTK;
153	011	010153	ĐẶNG MINH HƯƠNG	Nữ	17/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	7,00	6,00	Ngữ văn	6,00			NPTG;
154	011	010154	ĐOÀN THIÊN HUƠNG	Nữ	20/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,7	7,5	6,5	0,0	1,5	1,5	5,50	4,75	4,50	Ngữ văn	4,25			NPTG;
155	011	010155	HOÀNG NGUYỄN XUÂN HUƠNG	Nữ	18/02/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	6,00	8,00	Ngữ văn	4,75			NPTG;
156	011	010156	BÙI THỊ MAI LINH	Nữ	22/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,5	7,9	7,0	0,0	1,5	1,5	7,00	5,75	8,50	Ngữ văn	4,00			NPTG;
157	011	010157	ĐOÀN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	26/12/2001	Yên Lập - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	5,50	5,50	Ngữ văn	4,75			NPTG;
158	011	010158	ĐỖ DIỆU LINH	Nữ	30/04/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,2	8,0	1,0	1,0	2,0	7,50	6,50	6,00	Ngữ văn	5,25	Địa lí	0,75	DT; NPTK;
159	011	010159	LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	15/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	7,25	7,75	Ngữ văn	6,25			NPTG;
160	011	010160	LÊ TRẦN NHẬT LINH	Nữ	14/10/2002	Phòng khám đa khoa phía Bắc Việt	Tốt	Giỏi	16,7	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	8,75	8,00	Ngữ văn	4,50	Tiếng Pháp	3,30	NPTG;
161	011	010161	LƯƠNG DIỆU LINH	Nữ	26/01/2002	BV Việt Trì	Tốt	Giỏi	16,6	8,5	8,0	0,0	1,0	1,0	7,75	6,75	7,00	Ngữ văn	5,75	Tiếng Pháp	2,20	NPTK;
162	011	010162	LƯƠNG NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	27/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,6	7,5	0,0	1,5	1,5	8,25	8,00	8,00	Ngữ văn	6,50			NPTG;
163	011	010163	LƯU LINH LINH	Nữ	17/10/2002	Trạm y tế xã Văn Phú	Tốt	Giỏi	14,7	8,1	11,0	0,0	3,0	3,0	6,50	8,50	3,50	Ngữ văn	4,25	Tiếng Pháp	2,50	KTLM2; NPTG;
164	011	010164	MAI HUYỀN LINH	Nữ	13/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,50	6,00	Ngữ văn	4,75			NPTG;
165	011	010165	NGÔ PHƯƠNG LINH	Nữ	11/09/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,9	11,0	0,0	3,0	3,0	7,50	8,50	8,50	Ngữ văn	4,75			KTLM2; NPTG;
166	012	010166	NGUYỄN HOÀNG THÙY LINH	Nữ	17/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,6	9,0	0,0	1,0	1,0	8,25	8,25	8,00	Ngữ văn	5,75			NPTK;
167	012	010167	NGUYỄN HOÀNG VIỆT LINH	Nữ	12/11/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	6,75	5,75	Ngữ văn	5,50			NPTG;
168	012	010168	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	19/01/2002	BV Đoàn Hùng	Tốt	Giỏi	16,4	8,6	7,0	0,0	1,5	1,5	7,75	8,00	8,00	Ngữ văn	6,25			NPTG;
169	012	010169	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	05/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,4	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	8,00	7,75	Ngữ văn	4,75	Tiếng Pháp	3,60	NPTG;
170	012	010170	HOÀNG THANH LOAN	Nữ	19/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	6,75	7,50	Ngữ văn	4,25			NPTG;
171	012	010171	NGUYỄN THỊ THANH LƯƠNG	Nữ	05/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,4	7,0	0,0	1,5	1,5	7,50	7,50	8,00	Ngữ văn	5,50	Tiếng Pháp	2,20	NPTG;
172	012	010172	LẠI KHÁNH LY	Nữ	13/04/2002	BVĐK tỉnh Vĩnh Phúc	Tốt	Giỏi	15,7	8,1	7,5	0,0	1,5	1,5	7,50	8,00	6,75	Ngữ văn	3,75	Tiếng Pháp	3,00	NPTG;
173	012	010173	CHU PHƯƠNG MAI	Nữ	07/07/2002	Thanh Ba - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	9,0	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,00	8,50	Ngữ văn	5,00			NPTG;
174	012	010174	NGUYỄN THỊ HƯƠNG MAI	Nữ	27/03/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,9	11,0	0,0	3,0	3,0	7,00	7,00	5,50	Ngữ văn	8,25			HSG2; NPTG;
175	012	010175	TRẦN NGỌC MAI	Nữ	10/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	6,50	8,50	Ngữ văn	4,00			NPTG;
176	012	010176	CAO THẢO MY	Nữ	17/03/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	7,25	8,25	Ngữ văn	5,50			NPTG;
177	012	010177	LÊ NGỌC TRẢ MY	Nữ	12/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,4	11,0	0,0	2,5	2,5	8,25	9,75	7,75	Ngữ văn	7,75	Tiếng Pháp	5,60	HSG2; NPTK;
178	012	010178	NGUYỄN TRẢ MY	Nữ	05/09/2002	Trạm y tế Cổ Bi - Gia Lâm	Tốt	Giỏi	15,6	8,2	7,0	0,0	1,5	1,5	5,75	6,75	7,00	Ngữ văn	2,75			NPTG;
179	012	010179	ĐÀO HẰNG NGA	Nữ	01/01/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	5,75	6,50	Ngữ văn	3,50			NPTG;
180	012	010180	NGUYỄN KIỀU NGA	Nữ	19/10/2002	TT y tế huyện Phù Ninh	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,25	7,75	Ngữ văn	7,25			NPTG;
181	013	010181	TRẦN THỊ THANH NGÀ	Nữ	05/06/2002	BV DM KV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,1	7,5	2,0	1,5	3,5	8,00	6,00	4,50	Ngữ văn	4,00			CCS2; NPTG;
182	013	010182	LÊ HẠNH NGÂN	Nữ	15/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	6,50	6,25	Ngữ văn	5,75			NPTG;
183	013	010183	NGUYỄN THU NGÂN	Nữ	06/04/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,9	8,8	10,0	0,0	2,5	2,5	7,25	7,25	8,50	Ngữ văn	7,50	Tiếng Pháp		HSG3; NPTG;
184	013	010184	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	17/08/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	9,50	7,75	Ngữ văn	5,00	Tiếng Pháp	3,60	NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcơ bản	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
185	013	010185	QUÁCH HOÀNG NGỌC	Nữ	12/02/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,3	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,50	8,00	Ngữ văn	6,00	Tiếng Pháp		NPTG;
186	013	010186	TẠ MINH NGỌC	Nữ	28/05/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	8,25	6,75	6,25	Ngữ văn	5,50			NPTG;
187	013	010187	VƯƠNG MINH NGOC	Nữ	29/05/2002	Viện BV bà mẹ trẻ sơ sinh	Tốt	Giỏi	17,6	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	9,25	7,50	Ngữ văn	5,25	Tiếng Pháp	4,70	NPTG;
188	013	010188	NGUYỄN NHỊ PHƯƠNG NGUYỄN	Nữ	28/07/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,1	7,5	0,0	1,5	1,5	6,75	7,50	6,00	Ngữ văn	6,25			NPTG;
189	013	010189	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	Nữ	14/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,50	8,50	Ngữ văn	5,50			NPTG;
190	013	010190	BÙI Ý NHỊ	Nữ	18/12/2002	Viện BV bà mẹ và trẻ sơ sinh Hà Nội	Tốt	Giỏi	15,6	8,0	8,0	0,0	1,0	1,0	6,25	7,50	8,25	Ngữ văn	4,50			NPTK;
191	013	010191	NGUYỄN NGỌC NHI	Nữ	17/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,3	8,0	0,0	1,0	1,0	7,50	7,00	8,50	Ngữ văn	5,50			NPTK;
192	013	010192	NGUYỄN NGUYỄN PHƯƠNG NHỊ	Nữ	28/07/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,8	8,2	7,5	0,0	1,5	1,5	6,50	5,50	5,50	Ngữ văn	4,50			NPTG;
193	013	010193	HOÀNG ANH PHƯƠNG	Nữ	14/04/2002	Khoái Châu - Hưng Yên	Tốt	Khá	13,7	7,7	6,0	0,0	1,5	1,5	6,25	4,00	2,50	Ngữ văn	5,50			NPTG;
194	013	010194	HOÀNG HỒNG PHƯƠNG	Nữ	12/08/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	6,75	8,00	Ngữ văn	4,50			NPTG;
195	013	010195	LƯƠNG THU PHƯƠNG	Nữ	26/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,2	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,75	8,00	Ngữ văn	6,00			NPTG;
196	014	010196	TÔ THỊ PHƯƠNG	Nữ	11/07/2002	Phú Lương - Thái Nguyên	Tốt	Giỏi	17,7	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	5,50	7,50	Ngữ văn	6,50	Vật lí	0,50	NPTG;
197	014	010197	DƯƠNG THỊ THÚY QUỲNH	Nữ	03/02/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,9	9,0	0,0	1,5	1,5	7,50	7,25	6,25	Ngữ văn	8,00			NPTG;
198	014	010198	LÊ THỊ QUỲNH	Nữ	11/04/2002	Trạm y tế xã Hà Thạch	Tốt	Giỏi	14,9	8,5	7,5	0,0	1,5	1,5	7,75	4,75	4,00	Ngữ văn	5,00	Địa lí	1,75	NPTG;
199	014	010199	NGUYỄN ĐÀO DIỄM QUỲNH	Nữ	12/06/2002	BV Dệt may TP Việt Trì	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	5,50	8,00	Ngữ văn	6,00			NPTG;
200	014	010200	NGUYỄN THỊ DẠ QUỲNH	Nữ	19/07/2002	BV phụ sản Hải Phòng	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	9,0	0,0	1,5	1,5	8,00	8,75	6,25	Ngữ văn	7,25			NPTG;
201	014	010201	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	18/10/2002	Trạm y tế Tiên Cát - Việt Trì	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	9,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,00	7,75	Ngữ văn	6,75			NPTG;
202	014	010202	NGUYỄN THÚY QUỲNH	Nữ	05/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,3	8,5	11,0	0,0	3,0	3,0	7,00	8,50	8,25	Ngữ văn	7,00	Lịch sử		HSG2; NPTG;
203	014	010203	PHẠM THÚY QUỲNH	Nữ	15/06/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,5	7,8	6,0	0,0	1,5	1,5	7,00	5,25	3,75	Ngữ văn	7,00			NPTG;
204	014	010204	LÊ THỊ THANH TÂM	Nữ	30/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	8,50	7,75	Ngữ văn	7,00			NPTG;
205	014	010205	KIỀU ĐỨC THÀNH	Nam	13/04/2002	Trạm y tế phường Tiên Cát	Tốt	Giỏi	17,3	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	8,25	8,50	Ngữ văn	2,75	Tiếng Pháp	3,40	NPTG;
206	014	010206	HOÀNG THU THẢO	Nữ	22/08/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,3	8,0	6,0	0,0	1,5	1,5	7,50	6,75	5,25	Ngữ văn	6,50			NPTG;
207	014	010207	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,75	7,50	Ngữ văn	4,25			NPTG;
208	014	010208	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/04/2002	Việt Trì- Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	6,50	6,25	Ngữ văn	5,75			NPTG;
209	014	010209	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/11/2002	TT y tế huyện Tiên Hải	Tốt	Giỏi	17,9	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,25	7,00	Ngữ văn	5,00			NPTG;
210	014	010210	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	19/12/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	9,0	0,0	1,5	1,5	6,75	5,00	6,00	Ngữ văn	5,50			NPTG;
211	015	010211	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/06/2002	Lý Nhân - Hà Nam	Tốt	Giỏi	17,1	8,7	10,0	0,0	2,5	2,5	7,50	6,25	8,00	Ngữ văn	8,25			HSG3; NPTG;
212	015	010212	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	19/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	7,00	8,00	Ngữ văn	4,50			NPTG;
213	015	010213	LÊ THỊ THU	Nữ	19/01/2002	Yên Bình - Yên Bái	Tốt	Khá	12,9	7,0	6,0	0,0	1,5	1,5	5,50	2,25	1,50	Ngữ văn	4,00			NPTG;
214	015	010214	NGUYỄN THANH THÙY	Nữ	22/07/2002	BV huyện Tam Nông	Tốt	Giỏi	15,6	8,4	10,0	0,0	2,5	2,5	7,50	5,50	5,50	Ngữ văn	5,75			HSG3; NPTG;
215	015	010215	NGUYỄN THANH THÚY	Nữ	18/01/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	7,50	8,25	Ngữ văn	5,50			NPTG;
216	015	010216	ĐÀO LÊ THÙY	Nữ	22/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,00	7,00	Ngữ văn	5,50			NPTG;
217	015	010217	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	06/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,7	8,9	11,0	0,0	3,0	3,0	8,50	9,75	7,00	Ngữ văn	8,75	Tiếng Pháp	6,20	HSG2; NPTG;
218	015	010218	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	03/01/2002	Phù Ninh - Phú thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	8,50	8,00	Ngữ văn	6,00			NPTG;
219	015	010219	BÙI THU TRANG	Nữ	29/08/2002	BV Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	7,75	7,00	7,00	Ngữ văn	5,00			NPTG;
220	015	010220	DOÃN HÀ TRANG	Nữ	12/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	7,0	0,0	1,5	1,5	7,75	8,00	8,00	Ngữ văn		Lịch sử	3,25	NPTG;
221	015	010221	HOÀNG THU TRANG	Nữ	04/08/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,4	8,0	2,0	1,0	3,0	8,50	7,25	8,50	Ngữ văn	5,25			CCS2; NPTK;
222	015	010222	LÊ HOÀNG THU TRANG	Nữ	30/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,2	8,0	7,5	0,0	1,5	1,5	6,75	8,00	2,25	Ngữ văn	6,75	Tiếng Pháp	4,00	NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcán	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
223	015	010223	LÊ VŨ QUỲNH TRANG	Nữ	19/04/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,2	8,8	10,0	0,0	2,5	2,5	8,00	9,50	8,50	Ngữ văn	8,50	Tiếng Pháp	5,60	HSG3; NPTG;
224	015	010224	NGUYỄN DIỆU TRANG	Nữ	28/06/2002	Trạm y tế phường Tiên Cát	Tốt	Giỏi	16,4	8,0	8,5	0,0	1,5	1,5	8,50	7,50	7,00	Ngữ văn	9,00			NPTG;
225	015	010225	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	12/12/2002	Hoảng Hóa - Thanh Hóa	Tốt	Giỏi	16,7	8,6	10,0	0,0	2,5	2,5	7,75	7,50	6,25	Ngữ văn	7,50	Tiếng Pháp	2,90	HSG3; NPTG;
226	016	010226	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	27/05/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,3	8,9	10,0	0,0	2,0	2,0	8,25	9,25	8,50	Ngữ văn	7,50	Tiếng Pháp	3,60	HSG3; NPTK;
227	016	010227	PHÍ TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	28/02/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	7,50	6,00	Ngữ văn	7,25			NPTG;
228	016	010228	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	26/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,6	7,5	0,0	1,5	1,5	7,50	5,75	1,50	Ngữ văn	5,25			NPTG;
229	016	010229	LƯU THỊ THU TRÀ	Nữ	11/02/2002	Trạm y tế xã Dữu Lâu	Tốt	Giỏi	18,4	9,1	10,0	0,0	2,5	2,5	7,75	9,75	8,50	Ngữ văn	7,50			HSG3; NPTG;
230	016	010230	PHÙNG THỊ KIỀU TRINH	Nữ	11/05/2002	Trạm y tế xã Hà Thạch	Tốt	Khá	14,9	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	8,00	6,75	8,00	Ngữ văn	6,00			NPTG;
231	016	010231	LÊ ÁNH TUYẾT	Nữ	09/11/2002	Cẩm Khê - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,0	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,25	6,25	Ngữ văn	5,25	Tiếng Pháp	3,10	NPTG;
232	016	010232	PHẠM THỊ NGỌC TÚ	Nữ	27/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	8,50	8,50	Ngữ văn	4,50			NPTG;
233	016	010233	TRƯƠNG THỊ NGỌC TÚ	Nữ	22/08/2002	Ba Vì - Hà Tây	Tốt	Giỏi	17,4	8,9	8,0	0,0	1,0	1,0	8,25	8,00	8,50	Ngữ văn	8,75	Tiếng Pháp	2,90	NPTK;
234	016	010234	ĐẶNG TỔ UYÊN	Nữ	18/10/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	11,0	0,0	3,0	3,0	8,25	7,50	7,25	Ngữ văn	3,50			KTLM2; NPTG;
235	016	010235	NGÔ THỊ THU UYÊN	Nữ	24/10/2002	Tr.y tế Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,5	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	5,00	4,75	Ngữ văn	4,50			NPTG;
236	016	010236	VŨ THỊ THANH XUÂN	Nữ	12/02/2002	Nông Trang - Việt Trì	Tốt	Giỏi	17,8	8,6	8,0	0,0	1,0	1,0	8,50	8,75	8,50	Ngữ văn	7,25			NPTK;
237	016	010237	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	19/07/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,4	10,0	0,0	2,5	2,5	8,75	7,50	7,50	Ngữ văn	7,00			HSG3; NPTG;
238	016	010238	NGUYỄN LÊ HOÀNG YẾN	Nữ	21/04/2002	BV h.Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,9	9,0	0,0	1,5	1,5	8,00	6,25	4,25	Ngữ văn	6,25			NPTG;
239	016	010239	ĐỖ HỒNG ANH	Nữ	27/10/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,00	8,00	Tiếng Anh	3,80	Tiếng Pháp		NPTG;
240	016	010240	HÀ THỊ QUẾ ANH	Nữ	14/09/2002	Bệnh viện Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	9,50	8,50	Tiếng Anh	4,50	Tiếng Pháp	4,10	NPTG;
241	017	010241	HÀ VŨ QUỲNH ANH	Nữ	19/04/2002	Thanh Ba - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,4	7,5	0,0	1,5	1,5	7,75	8,75	6,75	Tiếng Anh	2,70			NPTG;
242	017	010242	HOÀNG ANH	Nữ	04/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,0	9,0	9,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,50	8,25	Tiếng Anh	8,70			NPTG;
243	017	010243	HOÀNG TUẤN ANH	Nam	04/01/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,1	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,75	7,75	Tiếng Anh	4,70	Tiếng Pháp	5,80	NPTG;
244	017	010244	LÊ THỊ TRÂM ANH	Nữ	02/04/2002	Trùn tâm Y Tế Đô Lương	Tốt	Giỏi	15,6	8,3	8,5	0,0	1,0	1,0	7,00	10,00	8,50	Tiếng Anh	6,20	Tiếng Pháp		NPTK;
245	017	010245	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	10/07/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	5,75	8,50	7,75	Tiếng Anh	3,60			NPTG;
246	017	010246	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	08/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	8,25	9,50	8,50	Tiếng Anh	4,40	Tiếng Pháp		NPTG;
247	017	010247	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	07/02/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,8	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	9,00	7,75	Tiếng Anh	5,30			NPTG;
248	017	010248	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	12/07/2002	BVĐK Huyện Cẩm Khê	Tốt	Giỏi	15,1	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	9,25	4,50	Tiếng Anh	3,60	Tiếng Pháp	4,70	NPTG;
249	017	010249	NGUYỄN TƯỜNG ANH	Nữ	02/12/2002	Cẩm Khê - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,2	8,5	0,0	0,5	0,5	7,00	9,00	9,00	Tiếng Anh	5,70	Tiếng Pháp		NPTTB;
250	017	010250	PHẠM THỊ THẢO ANH	Nữ	19/09/2002	BV đa khoa TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,25	5,00	Tiếng Anh	3,10			NPTG;
251	017	010251	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	03/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,6	7,5	0,0	1,5	1,5	7,00	9,50	8,25	Tiếng Anh	3,00			NPTG;
252	017	010252	VI THỊ LAN ANH	Nữ	13/07/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,75	6,75	Tiếng Anh	5,30	Tiếng Pháp	6,30	NPTG;
253	017	010253	HÀ THỊ MINH ÁNH	Nữ	06/05/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	7,75	8,50	Tiếng Anh	2,00			NPTG;
254	017	010254	NGÔ MINH ÁNH	Nữ	17/02/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,7	9,0	0,0	1,5	1,5	7,25	10,00	8,50	Tiếng Anh	6,60	Tiếng Pháp	7,50	NPTG;
255	017	010255	NGUYỄN HỒNG ÁNH	Nữ	09/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,00	8,00	Tiếng Anh	2,80	Tiếng Pháp	2,90	NPTG;
256	018	010256	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	06/03/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,4	8,0	1,0	1,0	2,0	7,25	6,00	7,75	Tiếng Anh	1,80	Tiếng Pháp	2,50	DT; NPTK;
257	018	010257	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	17/05/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,9	10,0	0,0	2,5	2,5	7,75	9,75	7,25	Tiếng Anh	7,30	Tiếng Pháp	8,10	HSG3; NPTG;
258	018	010258	HOÀNG NGỌC BÍCH	Nữ	04/04/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,25	7,25	Tiếng Anh	2,90			NPTG;
259	018	010259	DƯƠNG THỊ BẢO CHÂU	Nữ	09/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,75	8,25	Tiếng Anh	5,70	Tiếng Pháp	7,20	NPTG;
260	018	010260	HOÀNG KIM CHI	Nữ	25/09/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,6	9,2	11,0	0,0	3,0	3,0	8,50	9,75	8,50	Tiếng Anh	8,00			HSG2; NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcơ bản	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
261	018	010261	NGUYỄN HÀ CHI	Nữ	21/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,8	10,0	0,0	2,5	2,5	8,00	9,75	8,50	Tiếng Anh	7,50	Tiếng Pháp	8,00	HSG3; NPTG;
262	018	010262	PHẠM THẢO CHI	Nữ	23/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	9,75	8,00	Tiếng Anh	3,50	Tiếng Pháp	4,90	NPTG;
263	018	010263	TRẦN HUỆ CHI	Nữ	29/08/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,8	10,0	0,0	2,5	2,5	7,50	10,00	8,00	Tiếng Anh	7,50	Tiếng Pháp		HSG3; NPTG;
264	018	010264	TRIỆU THỊ LINH CHI	Nữ	24/02/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,4	7,5	0,0	1,5	1,5	8,00	9,50	8,50	Tiếng Anh	5,50	Tiếng Pháp	6,90	NPTG;
265	018	010265	PHAN THỊ ÁNH CHÚC	Nữ	25/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,1	7,5	0,0	1,5	1,5	4,50	8,00	4,50	Tiếng Anh	1,70	Tiếng Pháp	3,10	NPTG;
266	018	010266	NGUYỄN KIM DUNG	Nữ	13/11/2002	BV Dệt may KV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,0	7,5	0,0	1,0	1,0	4,75	8,50	8,00	Tiếng Anh	1,50			NPTK;
267	018	010267	NGUYỄN THỊ LÊ DUNG	Nữ	08/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,6	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,00	5,50	Tiếng Anh	2,30	Địa lí	6,25	NPTG;
268	018	010268	HÀ ĐỨC DUY	Nam	20/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,5	8,0	6,0	0,0	1,5	1,5	6,25	7,50	8,50	Tiếng Anh	1,50			NPTG;
269	018	010269	NGUYỄN MỸ DUYỀN	Nữ	14/10/2002	BV Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	5,75	9,25	8,50	Tiếng Anh	4,50			NPTG;
270	018	010270	LÊ THÙY DƯƠNG	Nữ	14/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,0	8,0	7,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,50	6,00	Tiếng Anh	1,60	Tiếng Pháp	3,00	NPTG;
271	019	010271	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	Nữ	02/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,6	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,50	8,00	Tiếng Anh	4,20	Tiếng Pháp	5,30	NPTG;
272	019	010272	TRIỆU QUANG ĐẠT	Nam	27/03/1999	Cộng hòa Séc	Tốt	Khá	14,1	8,0	6,0	0,0	1,5	1,5	5,75	8,75	3,75	Tiếng Anh	4,30	Tiếng Pháp	6,40	NPTG;
273	019	010273	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	11/09/2002	BV bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh Hà N	Tốt	Khá	12,6	6,9	6,0	0,0	1,5	1,5	5,50	9,00	5,25	Tiếng Anh	2,50	Tiếng Pháp	4,40	NPTG;
274	019	010274	ĐỖ NGỌC ĐÔNG	Nam	04/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	10,00	8,25	Tiếng Anh	7,40			NPTG;
275	019	010275	PHÙNG MINH ĐỨC	Nam	02/07/2002	Bệnh viện tỉnh Hà Tây	Tốt	Khá	14,0	7,8	6,0	0,0	1,0	1,0	4,25	8,50	6,75	Tiếng Anh	2,10	Tiếng Pháp	3,80	NPTK;
276	019	010276	HOÀNG NGỌC CHÂU GIANG	Nữ	04/10/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,6	10,0	0,0	2,5	2,5	6,75	9,50	8,50	Tiếng Anh	6,10			HSG3; NPTG;
277	019	010277	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	01/01/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,8	9,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,75	7,50	Tiếng Anh	6,10			NPTG;
278	019	010278	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	07/12/2002	Khoa sản BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,25	5,75	Tiếng Anh	3,00	Tiếng Pháp	4,50	NPTG;
279	019	010279	NGUYỄN LÊ HỒNG GIANG	Nữ	09/06/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	8,25	6,25	Tiếng Anh	1,50	Sinh học	4,25	NPTG;
280	019	010280	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	20/12/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,3	7,9	7,5	0,0	1,5	1,5	6,00	8,75	7,75	Tiếng Anh	2,50			NPTG;
281	019	010281	TẠ MINH GIANG	Nữ	01/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	8,8	9,0	0,0	1,5	1,5	8,25	8,75	8,25	Tiếng Anh	1,90			NPTG;
282	019	010282	VŨ HƯƠNG GIANG	Nữ	13/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	8,50	8,50	Tiếng Anh	4,60	Tiếng Pháp	6,30	NPTG;
283	019	010283	ĐẶNG THU HÀ	Nữ	23/09/2002	Khoa sản BV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,25	8,50	Tiếng Anh	6,20			NPTG;
284	019	010284	KIM VIỆT HÀ	Nữ	06/08/2002	Viện BVBM TSS Hà Nội	Tốt	Giỏi	15,6	8,3	9,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,75	7,75	Tiếng Anh	5,60	Tiếng Pháp	6,30	NPTG;
285	019	010285	VŨ THÚY HÀ	Nữ	29/06/2002	BV huyện Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	4,75	8,50	7,00	Tiếng Anh	2,90	Tiếng Pháp	4,60	NPTG;
286	020	010286	ĐINH THỊ MỸ HẢO	Nữ	08/09/2002	Bệnh viện huyện Cẩm Khê	Tốt	Giỏi	16,3	8,7	10,0	1,0	2,5	3,5	6,50	9,75	8,00	Tiếng Anh	5,50			CDT; HSG3; NPTG;
287	020	010287	TRẦN THỊ HANH	Nữ	19/01/2002	Trạm y tế xã Phượng Lâu	Tốt	Khá	14,1	8,0	6,5	0,0	1,0	1,0	6,00	8,00	7,75	Tiếng Anh	2,90	Tiếng Pháp	2,70	NPTK;
288	020	010288	HÀ THÚY HẰNG	Nữ	07/11/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	8,75	8,50	Tiếng Anh	1,60			NPTG;
289	020	010289	ĐỖ MINH HIẾU	Nam	22/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	9,75	5,75	Tiếng Anh	4,80	Tiếng Pháp	6,90	NPTG;
290	020	010290	LÊ QUANG HIẾU	Nam	12/02/2002	Bệnh viện Việt Trì Phú Thọ	Tốt	Khá	12,3	6,7	6,0	0,0	1,5	1,5	5,50	7,50	4,50	Tiếng Anh	2,60			NPTG;
291	020	010291	LƯƠNG HOÀNG HIẾU	Nam	06/10/2002	Bệnh viện Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,1	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,75	7,75	Tiếng Anh	5,70	Tiếng Pháp	5,90	NPTG;
292	020	010292	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	11/03/2002	Cẩm Khê - Phú Thọ	Tốt	Khá	13,9	7,9	7,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,25	7,75	Tiếng Anh	4,80	Tiếng Pháp	5,80	NPTG;
293	020	010293	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	21/04/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,0	7,9	6,0	0,0	1,0	1,0	5,25	8,75	8,50	Tiếng Anh	3,40	Tiếng Pháp	4,70	NPTK;
294	020	010294	TRẦN MINH HIẾU	Nam	19/07/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,50	8,50	Tiếng Anh	3,00	Tiếng Pháp	4,50	NPTG;
295	020	010295	LÊ NHẬT HOA	Nữ	25/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,9	10,0	0,0	2,5	2,5	7,50	10,00	7,75	Tiếng Anh	6,60			HSG3; NPTG;
296	020	010296	BÙI THỊ MINH HỒNG	Nữ	06/10/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,9	8,8	10,0	0,0	2,5	2,5	8,00	9,75	8,50	Tiếng Anh	4,30			HSG3; NPTG;
297	020	010297	TẠ THỊ ÁNH HỒNG	Nữ	13/07/2002	Trạm y tế phường Dữu Lâu	Tốt	Giỏi	15,6	8,5	8,5	0,0	1,0	1,0	7,50	10,00	7,50	Tiếng Anh	6,40	Tiếng Pháp	7,50	NPTK;
298	020	010298	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	29/06/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,5	7,9	6,5	0,0	1,5	1,5	5,50	9,00	4,00	Tiếng Anh	1,40	Tiếng Pháp	2,70	NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBMcn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBMcn	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
299	020	010299	HÀ NGỌC HUYỀN	Nữ	10/10/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	9,00	8,25	Tiếng Anh	4,50			NPTG;
300	020	010300	LÊ THU HUYỀN	Nữ	16/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,50	4,75	Tiếng Anh	4,90	Tiếng Pháp	5,90	NPTG;
301	021	010301	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	04/08/2002	BVĐK thị xã Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,9	7,5	0,0	1,5	1,5	5,75	7,50	8,25	Tiếng Anh	1,70	Tiếng Pháp	2,40	NPTG;
302	021	010302	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	23/03/2002	Trạm y tế phường Bạch Hạc	Tốt	Giỏi	16,0	8,4	10,0	0,0	2,5	2,5	7,00	8,00	6,25	Tiếng Anh	2,60	Tiếng Pháp	3,70	HSG3; NPTG;
303	021	010303	TẠ TUẤN HÙNG	Nam	06/05/2002	BV Dệt may tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,2	8,2	7,0	2,0	1,5	3,5	5,75	7,50	5,25	Tiếng Anh	0,60	Tiếng Pháp	3,40	CCS2; NPTG;
304	021	010304	TRẦN NGỌC HƯNG	Nam	04/11/2002	Trạm y tế p. Thanh Miếu	Tốt	Giỏi	15,6	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	5,25	9,75	7,50	Tiếng Anh	4,20	Tiếng Pháp	6,10	NPTG;
305	021	010305	TẠ MAI HƯƠNG	Nữ	24/09/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,6	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,50	8,50	Tiếng Anh	4,30			NPTG;
306	021	010306	ĐỖ THUY HUƠNG	Nữ	13/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,0	8,5	0,0	1,5	1,5	7,25	10,00	4,50	Tiếng Anh	6,10			NPTG;
307	021	010307	LÊ THỊ DIỆU HUƠNG	Nữ	04/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	8,75	8,00	Tiếng Anh	2,00			NPTG;
308	021	010308	TRẦN HIỀN KHANH	Nữ	13/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,3	8,6	9,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,50	8,50	Tiếng Anh	6,00			NPTG;
309	021	010309	MAI THU LAN	Nữ	13/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,6	11,0	0,0	3,0	3,0	7,25	10,00	8,00	Tiếng Anh	4,80			KHKT2; NPTG;
310	021	010310	NGUYỄN HOÀNG LAN	Nữ	23/09/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,50	8,25	Tiếng Anh	2,10	Tiếng Pháp	5,00	NPTG;
311	021	010311	NGUYỄN THU NGỌC LAN	Nữ	03/09/2002	Bệnh viện xây dựng Việt Trì	Tốt	Khá	15,6	7,7	7,0	0,0	1,0	1,0	7,00	10,00	7,25	Tiếng Anh	4,60	Tiếng Pháp	6,20	NPTK;
312	021	010312	ĐÀO ĐỨC LÂM	Nam	12/08/2002	Viện BVBM-TESS Hà Nội	Tốt	Giỏi	16,0	8,5	9,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,50	8,50	Tiếng Anh	4,40			NPTG;
313	021	010313	VI NGUYỄN NGỌC LÂM	Nam	06/05/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,5	12,0	0,0	5,0	5,0	5,75	9,75	7,25	Tiếng Anh	7,00	Tiếng Pháp	7,90	HSG2; OSEQG; NPTG;
314	021	010314	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	12/04/2002	Hạ Hòa - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	8,75	8,00	Tiếng Anh	3,10	Tiếng Pháp	4,30	NPTG;
315	021	010315	BÙI GIANG LINH	Nữ	16/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	5,75	10,00	7,75	Tiếng Anh	5,20	Tiếng Pháp	5,60	NPTG;
316	022	010316	BÙI LÊ THẢO LINH	Nữ	27/02/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,6	8,0	2,0	1,5	3,5	7,75	9,25	8,00	Tiếng Anh	3,50			CTB2; NPTG;
317	022	010317	DƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	Nữ	14/08/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,2	7,4	6,0	0,0	1,0	1,0	7,00	6,25	5,75	Tiếng Anh	1,40	Tiếng Pháp	2,00	NPTK;
318	022	010318	ĐÀO THỊ NGỌC LINH	Nữ	30/09/2002	Trạm y tế xã Minh Phú	Tốt	Giỏi	16,4	9,0	8,0	0,0	1,5	1,5	8,25	9,00	6,75	Tiếng Anh	3,40	Tiếng Pháp	4,70	NPTG;
319	022	010319	HÀ KIỀU LINH	Nữ	01/01/2002	BV huyện Thanh Sơn	Tốt	Khá	13,9	7,9	7,0	1,0	1,5	2,5	5,75	6,00	3,75	Tiếng Anh	1,60	Tiếng Pháp	2,70	DT; NPTG;
320	022	010320	HOÀNG LÊ KHÁNH LINH	Nữ	10/08/2002	BVĐK TX Phú Thọ - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,75	7,25	Tiếng Anh	3,40			NPTG;
321	022	010321	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	03/04/2002	BV bà mẹ trẻ sơ sinh Hà Nội	Tốt	Giỏi	17,3	8,8	11,0	0,0	3,0	3,0	7,25	10,00	8,50	Tiếng Anh	7,20			HSG2; NPTG;
322	022	010322	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	24/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,9	8,0	7,0	0,0	1,5	1,5	6,00	9,00	7,00	Tiếng Anh	3,80			NPTG;
323	022	010323	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	30/08/2002	Thanh Thủy - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,50	8,50	Tiếng Anh	6,30			NPTG;
324	022	010324	NGUYỄN NHẬT LINH	Nữ	12/06/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	10,00	6,00	Tiếng Anh	4,00	Tiếng Pháp	5,00	NPTG;
325	022	010325	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	09/06/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,5	7,5	0,0	1,5	1,5	5,25	8,75	7,50	Tiếng Anh	3,50	Tiếng Pháp	4,10	NPTG;
326	022	010326	NGUYỄN VÕ HUYỀN LINH	Nữ	11/12/2002	Bệnh viện tỉnh Yên Bái	Tốt	Giỏi	16,6	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,50	8,50	Tiếng Anh	4,80			NPTG;
327	022	010327	PHAN ĐỖ NGỌC LINH	Nữ	16/04/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,7	7,5	0,0	1,5	1,5	7,25	9,75	8,00	Tiếng Anh	5,90	Tiếng Pháp	6,70	NPTG;
328	022	010328	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	16/07/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,50	7,50	Tiếng Anh	2,10			NPTG;
329	022	010329	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	07/01/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	8,00	7,00	Tiếng Anh	2,60	Tiếng Pháp	4,30	NPTG;
330	022	010330	TRẦN THỊ NGỌC LINH	Nữ	20/12/2002	BV huyện Lâm Thao	Tốt	Giỏi	17,0	8,7	11,0	0,0	3,0	3,0	8,00	10,00	8,25	Tiếng Anh	6,80			HSG2; NPTG;
331	023	010331	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	09/04/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,8	12,0	0,0	4,5	4,5	8,00	9,75	8,25	Tiếng Anh	7,90			HSG2; OSEQG; NPTK;
332	023	010332	LÊ BÍCH LOAN	Nữ	20/05/2002	Trạm Y tế TT Phong Châu	Tốt	Giỏi	16,8	8,6	8,0	0,0	1,0	1,0	7,25	9,75	6,00	Tiếng Anh	6,70			NPTK;
333	023	010333	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	13/10/2002	Trạm y tế TT Phong Châu	Tốt	Giỏi	16,9	8,5	9,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,75	5,50	Tiếng Anh	6,10	Tiếng Pháp		NPTG;
334	023	010334	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	25/06/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	7,50	9,75	6,25	Tiếng Anh	6,10	Tiếng Pháp	7,00	NPTG;
335	023	010335	NGUYỄN MINH LÝ	Nữ	16/09/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	9,1	10,0	0,0	2,0	2,0	5,25	9,50	8,50	Tiếng Anh	6,00			HSG3; NPTK;
336	023	010336	DƯƠNG QUỲNH MAI	Nữ	03/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,7	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,50	8,50	Tiếng Anh	2,10			NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcơ	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
337	023	010337	LÊ THỊ THANH MAI	Nữ	18/12/2002	TX Phú Thọ - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,50	8,25	Tiếng Anh	4,70			NPTG;
338	023	010338	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	15/12/2002	BV H.Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	8,5	11,0	0,0	3,0	3,0	8,00	9,75	8,50	Tiếng Anh	7,30	Tiếng Pháp		HSG2; NPTG;
339	023	010339	NGUYỄN QUỲNH MAI	Nữ	14/08/2002	Hà Hòa - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,50	8,00	Tiếng Anh	4,70	Tiếng Pháp		NPTG;
340	023	010340	TA PHƯƠNG MAI	Nữ	12/06/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,5	8,5	12,0	0,0	3,5	3,5	7,25	9,75	8,50	Tiếng Anh	7,50	Tiếng Pháp	8,00	OSEQG; NPTG;
341	023	010341	ĐÌNH CÔNG MẠNH	Nam	19/05/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	8,0	1,0	1,5	2,5	6,50	8,75	8,00	Tiếng Anh	2,40			DT; NPTG;
342	023	010342	LÊ TIỀN MẠNH	Nam	03/11/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,9	8,3	12,0	0,0	5,0	5,0	7,25	10,00	8,00	Tiếng Anh	7,70			HSG2; OSEQG; NPTG;
343	023	010343	TRẦN ĐỨC MẠNH	Nam	03/08/2002	TTBVSKBMTE tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,2	7,9	9,0	0,0	2,5	2,5	5,75	9,25	6,00	Tiếng Anh	2,40	Tiếng Pháp	3,00	TDTT3; NPTG;
344	023	010344	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	06/09/2002	BVĐK tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,50	8,50	Tiếng Anh	2,30	Tiếng Pháp	4,30	NPTG;
345	023	010345	NGUYỄN PHAN NGOC MINH	Nữ	17/08/2002	BV phụ sản Thái Bình	Tốt	Khá	15,3	8,3	7,0	0,0	1,5	1,5	6,75	7,25	5,75	Tiếng Anh	2,20	Tiếng Pháp	3,10	NPTG;
346	024	010346	NGUYỄN VŨ HOÀNG MINH	Nam	06/09/2002	BV Tân Lạc -Hòa Bình	Tốt	Giỏi	15,2	8,3	10,5	0,0	1,5	1,5	6,50	8,75	8,00	Tiếng Anh	2,90	Tiếng Pháp	5,00	HSG2;
347	024	010347	PHAM BÌNH MINH	Nữ	09/05/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Khá	13,8	7,9	6,5	1,0	1,0	2,0	7,25	7,00	8,00	Tiếng Anh	1,80	Tiếng Pháp	2,60	CDT; NPTK;
348	024	010348	PHẠM THỊ NGỌC MINH	Nữ	14/06/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,25	8,25	Tiếng Anh	5,10	Tiếng Pháp	6,20	NPTG;
349	024	010349	VŨ PHƯƠNG MINH	Nữ	15/09/2002	BV TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,6	9,0	0,0	1,5	1,5	8,00	8,75	8,75	Tiếng Anh	6,30	Tiếng Pháp		NPTG;
350	024	010350	LÊ VIỆT MỸ	Nữ	22/04/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,9	12,0	0,0	4,5	4,5	8,25	9,75	8,00	Tiếng Anh	6,40	Tiếng Pháp	6,90	HSG3; OSEQG; NPTG;
351	024	010351	TRẦN LÊ MỸ	Nữ	03/06/2002	Yên Lập - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,7	9,0	11,0	1,0	3,0	4,0	6,75	9,75	8,00	Tiếng Anh	6,40			DT; HSG2; NPTG;
352	024	010352	NGUYỄN THỊ LÊ NA	Nữ	29/10/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,00	7,00	Tiếng Anh	3,40	Tiếng Pháp	4,30	NPTG;
353	024	010353	ĐIỀU THỊ THANH NGA	Nữ	02/02/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Khá	15,0	7,9	6,5	0,0	1,5	1,5	7,75	8,50	6,00	Tiếng Anh	3,70			NPTG;
354	024	010354	DƯƠNG THU NGÂN	Nữ	19/08/2002	BV Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,5	9,0	0,0	1,5	1,5	6,50	9,75	8,25	Tiếng Anh	5,80	Tiếng Pháp	6,90	NPTG;
355	024	010355	HÀ THỊ KHÁNH NGÂN	Nữ	18/12/2002	Thanh Ba - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,75	8,00	Tiếng Anh	3,90	Tiếng Pháp	5,70	NPTG;
356	024	010356	HOÀNG DIỆP NGÂN	Nữ	24/02/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	9,50	8,50	Tiếng Anh	4,90			NPTG;
357	024	010357	PHẠM KIỀU NGÂN	Nữ	19/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,6	10,0	0,0	2,5	2,5	7,25	9,75	8,50	Tiếng Anh	7,00	Tiếng Pháp		HSG3; NPTG;
358	024	010358	HOÀNG BÍCH NGỌC	Nữ	16/09/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	9,00	8,50	Tiếng Anh	3,30	Tiếng Pháp	4,20	NPTG;
359	024	010359	HOÀNG HỒNG NGỌC	Nữ	16/09/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	9,25	8,00	Tiếng Anh	3,70	Tiếng Pháp	4,90	NPTG;
360	024	010360	LẠI THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	10/07/2002	BV đa khoa Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	9,1	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,50	6,00	Tiếng Anh	3,50	Tiếng Pháp	4,10	NPTG;
361	025	010361	LÊ BẢO NGỌC	Nữ	14/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	9,25	8,50	Tiếng Anh	3,00	Tin học	4,50	NPTG;
362	025	010362	NGUYỄN ĐỖ MINH NGỌC	Nữ	01/01/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	9,00	7,25	Tiếng Anh	2,40	Tiếng Pháp	3,60	NPTG;
363	025	010363	NGUYỄN THANH NGỌC	Nữ	07/06/2002	Bệnh viện Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	8,50	7,25	Tiếng Anh	2,80	Tiếng Pháp	3,20	NPTG;
364	025	010364	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH PHUON	Nữ	18/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	9,1	12,0	0,0	3,5	3,5	7,75	9,25	8,00	Tiếng Anh	7,60			OSEQG; NPTG;
365	025	010365	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	Nữ	18/12/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	9,50	8,25	Tiếng Anh	4,50			NPTG;
366	025	010366	HOÀNG TRUNG QUÂN	Nam	25/12/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,6	8,0	1,0	1,5	2,5	7,00	8,75	8,50	Tiếng Anh	3,50			DT; NPTG;
367	025	010367	ĐẶNG NHƯ QUỲNH	Nữ	02/10/2002	TT Bắc Yên tỉnh Sơn La	Tốt	Giỏi	15,7	8,4	7,5	0,0	1,5	1,5	5,75	7,75	8,00	Tiếng Anh	2,10	Tiếng Pháp	3,30	NPTG;
368	025	010368	TRINH DIỄM QUỲNH	Nữ	05/12/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,25	6,25	Tiếng Anh	4,20	Tiếng Pháp	4,30	NPTG;
369	025	010369	TRẦN VĂN SÂM	Nam	09/11/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,2	7,3	7,0	0,0	1,5	1,5	5,25	8,50	8,00	Tiếng Anh	2,40	Tiếng Pháp	4,30	NPTG;
370	025	010370	QUÁCH ĐỖ HOÀNG SƠN	Nam	10/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,9	8,0	6,5	0,0	1,5	1,5	6,75	8,50	8,25	Tiếng Anh	2,80	Tiếng Pháp	5,30	NPTG;
371	025	010371	NGÔ MINH TÂM	Nữ	01/05/2002	Khoa sản TTYtế Vinh,Nghệ An	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	7,5	0,0	2,5	2,5	7,75	9,75	7,00	Tiếng Anh	5,30	Tiếng Pháp	7,10	HSG3; NPTG;
372	025	010372	VŨ THỊ NGỌC THANH	Nữ	12/03/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,00	8,50	Tiếng Anh	4,10			NPTG;
373	025	010373	HÀ QUANG THÀNH	Nam	01/02/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,2	8,0	9,0	0,0	2,0	2,0	6,25	9,50	6,75	Tiếng Anh	7,50	Tiếng Pháp	7,40	HSG3; NPTK;
374	025	010374	KHÔNG VIỆT THÁI	Nam	22/10/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	5,75	9,25	8,50	Tiếng Anh	2,90	Tiếng Pháp	3,70	NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcơ bản	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
375	025	010375	LÊ XUÂN THÁI	Nam	04/03/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,0	7,5	0,0	1,5	1,5	6,00	9,50	7,75	Tiếng Anh	5,30	Tiếng Pháp	6,50	NPTG;
376	026	010376	NGUYỄN HỒNG THÁI	Nam	14/05/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,5	7,3	6,0	0,0	1,0	1,0	6,25	9,25	8,00	Tiếng Anh	4,20			NPTK;
377	026	010377	HOÀNG THANH THẢO	Nữ	02/05/2002	Tam Nông - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,25	8,00	Tiếng Anh	3,60			NPTG;
378	026	010378	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/02/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,3	9,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,50	8,50	Tiếng Anh	5,80			NPTG;
379	026	010379	NGUYỄN MINH THẢO	Nữ	02/05/2002	Liên Bang Nga	Tốt	Giỏi	16,4	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,50	8,00	Tiếng Anh	5,30	Tiếng Pháp	6,30	NPTG;
380	026	010380	NGUYỄN PHAN THU THẢO	Nữ	16/04/2002	BV Hùng Vương TPHCM	Tốt	Giỏi	17,1	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,75	8,25	Tiếng Anh	6,50	Tiếng Pháp	8,10	NPTG;
381	026	010381	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/12/2002	BV Đoàn Hùng	Tốt	Giỏi	16,1	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,50	6,75	Tiếng Anh	3,30	Tiếng Pháp	4,20	NPTG;
382	026	010382	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	11/10/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,6	10,0	0,0	2,5	2,5	8,00	9,50	8,25	Tiếng Anh	7,00			HSG3; NPTG;
383	026	010383	HOÀNG VIỆT THẮNG	Nam	02/09/2002	BV XD Việt Trì	Tốt	Khá	14,8	8,2	7,5	0,0	1,5	1,5	5,75	9,00	7,50	Tiếng Anh	2,30	Tiếng Pháp	3,60	NPTG;
384	026	010384	HOÀNG THỊ HƯƠNG THU	Nữ	04/12/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,8	8,6	7,5	0,0	1,5	1,5	6,50	9,00	2,00	Tiếng Anh	2,80	Tiếng Pháp	4,10	NPTG;
385	026	010385	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	07/07/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	8,9	10,0	0,0	2,5	2,5	6,50	10,00	8,50	Tiếng Anh	6,30			HSG3; NPTG;
386	026	010386	HOÀNG THU THỦY	Nữ	03/09/2002	TX Phú Thọ - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,7	12,0	0,0	4,5	4,5	8,75	9,75	8,00	Tiếng Anh	7,50			HSG3; OSEQG; NPTG;
387	026	010387	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	22/10/2002	BV Dệt may KV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,6	7,5	0,0	1,5	1,5	8,25	6,00	8,00	Tiếng Anh	1,80			NPTG;
388	026	010388	PHAN THU THỦY	Nữ	28/06/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	9,0	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,75	8,00	Tiếng Anh	6,30			NPTG;
389	026	010389	TRẦN DIỆU THỦY	Nữ	16/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,00	8,50	Tiếng Anh	2,50	Tiếng Pháp	4,60	NPTG;
390	026	010390	TRẦN DIỆU THƯƠNG	Nữ	08/11/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,6	10,0	0,0	2,5	2,5	7,75	9,50	8,50	Tiếng Anh	5,70	Tiếng Pháp	7,30	HSG3; NPTG;
391	027	010391	NGUYỄN THỦY TIÊN	Nữ	04/10/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,00	8,25	Tiếng Anh	5,10			NPTG;
392	027	010392	BÙI QUỲNH TRANG	Nữ	29/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	9,0	12,0	0,0	3,0	3,0	8,50	9,75	8,25	Tiếng Anh	7,50	Tiếng Pháp	8,00	HSG2; NPTG;
393	027	010393	CHU THỊ PHƯƠNG TRANG	Nữ	17/03/2002	BVĐK KV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,9	12,0	1,0	3,5	4,5	8,75	9,50	8,50	Tiếng Anh	6,90	Tiếng Pháp	9,10	DT; HSG3; OSE3; NPTG;
394	027	010394	HOÀNG PHẠM THU TRANG	Nữ	28/07/2002	BV dệt may khu vực Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,1	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	7,75	8,50	8,00	Tiếng Anh	5,70			NPTG;
395	027	010395	HOÀNG THU TRANG	Nữ	15/05/2002	Trạm y tế xã Hà Lộc	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	8,0	1,0	1,5	2,5	7,25	8,25	0,75	Tiếng Anh	3,00			DT; NPTG;
396	027	010396	KIỀU THU TRANG	Nữ	06/10/2002	Bệnh xá Sơn Vy - Lâm Thao	Tốt	Giỏi	17,7	9,0	12,0	0,0	5,0	5,0	8,50	10,00	8,50	Tiếng Anh	7,50			HSG2; OSEQG; NPTG;
397	027	010397	LÊ NGỌC TRANG	Nữ	14/07/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,5	10,0	0,0	2,5	2,5	7,50	10,00	6,25	Tiếng Anh	7,40	Tiếng Pháp	8,70	HSG3; NPTG;
398	027	010398	LÊ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	17/03/2002	Bệnh xá XN chè Thanh Niên	Tốt	Khá	13,2	7,8	7,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,00	6,00	Tiếng Anh	4,50	Tiếng Pháp	5,20	NPTG;
399	027	010399	NGUYỄN HOÀNG TRANG	Nữ	22/11/2002	Tân Dân - Việt Trì	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	10,00	8,50	Tiếng Anh	4,30			NPTG;
400	027	010400	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	01/12/2002	BV Tân Phú	Tốt	Giỏi	18,2	9,2	8,0	1,0	1,5	2,5	6,75	9,00	8,50	Tiếng Anh	4,70			VĐBKK; NPTG;
401	027	010401	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	09/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,8	12,0	0,0	4,5	4,5	8,75	10,00	8,50	Tiếng Anh	7,60			HSG3; OSEQG; NPTG;
402	027	010402	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	29/09/2002	Đa khoa Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,3	8,8	12,0	0,0	5,0	5,0	8,75	10,00	8,50	Tiếng Anh	7,50	Tiếng Pháp	7,90	HSG2; OSEQG; NPTG;
403	027	010403	NGUYỄN VÂN TRANG	Nữ	23/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,8	8,2	7,5	0,0	1,5	1,5	7,50	8,75	8,00	Tiếng Anh	3,90	Tiếng Pháp	6,50	NPTG;
404	027	010404	PHẠM HUYỀN TRANG	Nữ	15/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,8	12,0	0,0	5,0	5,0	8,00	10,00	8,25	Tiếng Anh	8,00	Tiếng Pháp	8,60	HSG2; OSEQG; NPTG;
405	027	010405	PHÙNG THU TRANG	Nữ	28/01/2002	Bệnh viện thị xã Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,50	8,25	Tiếng Anh	3,30	Tiếng Pháp	5,00	NPTG;
406	028	010406	TẠ THÙY TRANG	Nữ	12/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	9,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,75	8,25	Tiếng Anh	6,80	Tiếng Pháp	7,80	NPTG;
407	028	010407	TRẦN MINH TRANG	Nữ	22/11/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	9,25	8,50	Tiếng Anh	1,60	Tiếng Pháp	4,50	NPTG;
408	028	010408	TRẦN PHẠM THU TRANG	Nữ	15/10/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	8,25	9,50	6,50	Tiếng Anh	5,00	Tiếng Pháp	5,80	NPTG;
409	028	010409	TRẦN THỊ HÀ TRANG	Nữ	17/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,5	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	7,75	6,50	Tiếng Anh	1,60	Tiếng Pháp	2,90	NPTG;
410	028	010410	TRẦN THÙY TRANG	Nữ	26/09/2002	Trạm y tế TT Phong Châu	Tốt	Giỏi	16,4	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,50	7,75	Tiếng Anh	3,40			NPTG;
411	028	010411	VŨ LÊ QUỲNH TRANG	Nữ	30/10/2002	Hạ Hòa - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	9,0	9,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,75	7,25	Tiếng Anh	5,30	Tiếng Pháp	7,20	NPTG;
412	028	010412	VŨ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	24/04/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,3	9,0	8,0	0,0	1,5	1,5	8,25	9,50	8,50	Tiếng Anh	4,30			NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcơ bản	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
413	028	010413	CHU THỊ THANH TRÚC	Nữ	27/09/2002	BV đa khoa Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,8	10,5	0,0	5,0	5,0	7,75	9,50	5,50	Tiếng Anh	7,30			HSG2; OSE1; NPTG;
414	028	010414	LÃ THANH TRÚC	Nữ	12/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,7	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	9,50	8,00	Tiếng Anh	4,60			NPTG;
415	028	010415	NGUYỄN HUƠNG TÚ	Nữ	13/11/2002	Bệnh viện dệt may Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	8,00	7,75	Tiếng Anh	2,30	Tiếng Pháp	2,70	NPTG;
416	028	010416	NGUYỄN THỊ TỎ UYÊN	Nữ	22/11/2002	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	Tốt	Khá	15,2	8,2	7,0	0,0	1,0	1,0	5,00	9,75	8,00	Tiếng Anh	3,90	Tiếng Pháp	5,80	NPTK;
417	028	010417	TRẦN THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	12/06/2002	BV Lâm Thao	Tốt	Giỏi	17,7	9,1	12,0	0,0	5,0	5,0	6,50	10,00	8,50	Tiếng Anh	7,40			HSG2; TDDT1; NPTG; TT
418	028	010418	NGUYỄN KHÁNH VÂN	Nữ	27/09/2002	Đoan Hùng - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	9,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	9,75	8,00	Tiếng Anh	3,10			NPTG;
419	028	010419	TRẦN ĐÌNH VINH	Nam	21/01/2002	Trạm y tế TT Phong Châu	Tốt	Giỏi	15,9	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,25	8,00	Tiếng Anh	3,50	Tiếng Pháp	4,90	NPTG;
420	028	010420	LÊ QUÝ VŨ	Nam	13/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	8,75	6,00	Tiếng Anh	4,90	Tiếng Pháp	5,90	NPTG;
421	029	010421	VŨ TẤN VƯƠNG	Nam	30/12/2002	Viện TX Phú Thọ	Tốt	Khá	14,9	7,5	6,0	0,0	1,5	1,5	5,75	8,50	8,00	Tiếng Anh	2,40			NPTG;
422	029	010422	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	10/09/2002	BV Dệt may KV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	8,00	6,00	Tiếng Anh	1,50	Tiếng Pháp	3,10	NPTG;
423	029	010423	ĐÀO LÊ NGỌC ANH	Nam	01/12/2002	Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Khá	13,6	7,3	6,5	1,0	1,5	2,5	4,00	4,25	7,50	Vật lí	5,25			DT; NPTG;
424	029	010424	ĐÌNH TUẤN ANH	Nam	13/08/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,8	10,0	1,0	3,5	4,5	6,00	6,75	8,00	Vật lí	8,50			CDT; HSG3; KHKT3; NP TC;
425	029	010425	LÊ ĐỨC ANH	Nam	13/08/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	8,50	8,00	Vật lí	4,50			NPTG;
426	029	010426	TRƯƠNG CÔNG TUẤN ANH	Nam	22/04/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,25	8,00	Vật lí	3,50			NPTG;
427	029	010427	VŨ TÙNG CHI	Nữ	13/05/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,7	9,0	10,0	0,0	2,5	2,5	8,75	8,25	8,50	Vật lí	7,75			HSG3; NPTG;
428	029	010428	LÊ HỒNG DUY	Nam	11/09/2002	TT y tế TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,7	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	4,75	6,00	7,50	Vật lí	5,00			NPTG;
429	029	010429	ĐÀO TIẾN DŨNG	Nam	20/07/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,9	11,0	0,0	3,0	3,0	6,50	9,25	7,50	Vật lí	7,75	Toán		HSG2; NPTG;
430	029	010430	NGUYỄN TÂN DŨNG	Nam	01/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,4	7,7	6,0	0,0	1,5	1,5	5,25	6,75	8,50	Vật lí	1,50			NPTG;
431	029	010431	NGUYỄN DANH THÁI DƯƠNG	Nam	19/12/2002	BV bà mẹ trẻ em sơ sinh Hà Nội	Tốt	Giỏi	16,4	8,8	11,0	0,0	3,0	3,0	7,50	7,50	7,75	Vật lí	7,25	Ngữ văn		HSG2; NPTG;
432	029	010432	NGUYỄN MINH ĐẠT	Nam	13/04/2002	Việt Trì, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	12,0	0,0	5,0	5,0	7,25	7,00	8,50	Vật lí	8,50	Toán	1,00	HSG2; TDDT1; NPTG; TT 4;
433	029	010433	HÀ NGỌC MINH ĐỨC	Nam	09/08/2002	Bệnh viện đa khoa TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	7,00	7,50	Vật lí	6,00	Toán		NPTG;
434	029	010434	LÊ BÁ ĐỨC	Nam	18/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,4	12,0	0,0	3,5	3,5	7,00	7,00	8,50	Vật lí	6,50			TDDT1; NPTG; TT4;
435	029	010435	LÊ HỒNG ĐỨC	Nam	12/01/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,7	12,0	0,0	3,5	3,5	6,75	9,50	8,25	Vật lí	6,00			TDDT1; NPTG; TT4;
436	030	010436	NGUYỄN NGỌC HẢI	Nam	24/05/2002	TT y tế Thanh Ba	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,25	7,00	Vật lí	6,25			NPTG;
437	030	010437	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	20/11/2002	Phù Ninh, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	5,50	8,50	Vật lí	7,00			NPTG;
438	030	010438	PHẠM THÚY HIỀN	Nữ	05/07/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	6,75	7,50	Vật lí	5,75			NPTG;
439	030	010439	VŨ THỊ THU HIỀN	Nữ	21/01/2002	Trung tâm Y tế TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	5,50	8,25	Vật lí	6,50			NPTG;
440	030	010440	ĐỖ TRẦN MINH HIẾU	Nam	01/02/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,4	9,0	0,0	1,5	1,5	7,00	9,75	8,50	Vật lí	8,75			NPTG;
441	030	010441	TRẦN NAM HOÀNG	Nam	10/07/2002	Cẩm Khê, Phú Thọ	Tốt	Khá	13,7	7,9	6,0	0,0	1,5	1,5	6,25	8,00	7,50	Vật lí	6,25			NPTG;
442	030	010442	DƯƠNG THU HỒNG	Nữ	28/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,9	9,0	0,0	1,0	1,0	7,75	8,25	8,50	Vật lí	7,00	Toán		NPTK;
443	030	010443	CHU KHÁNH HUY	Nam	12/10/2002	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Ba	Tốt	Giỏi	15,7	8,2	9,0	0,0	1,5	1,5	6,50	6,25	8,00	Vật lí	6,50	Toán		NPTG;
444	030	010444	NGUYỄN PHẠM HÙNG	Nam	05/11/2002	Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Khá	14,6	8,3	8,0	0,0	2,5	2,5	6,25	7,00	8,50	Vật lí	6,75			HSG3; NPTG;
445	030	010445	VŨ QUANG HÙNG	Nam	11/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,5	8,3	10,0	0,0	2,5	2,5	6,50	7,50	8,50	Vật lí	7,25			HSG3; NPTG;
446	030	010446	ĐÌNH CÔNG QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,1	6,5	0,0	1,5	1,5	6,00	8,50	7,00	Vật lí	3,00			NPTG;
447	030	010447	LÊ QUỐC KHÁNH	Nam	18/05/2002	20 Tôn Thất Thuyết, P18, Q 4	Tốt	Giỏi	15,7	8,0	7,5	0,0	1,5	1,5	6,75	6,00	8,50	Vật lí	2,75			NPTG;
448	030	010448	PHẠM HUY KHÔI	Nam	25/02/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,25	8,25	Vật lí	7,25	Toán	1,00	NPTG;
449	030	010449	KIM TÀI LINH	Nam	20/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,1	10,5	0,0	3,0	3,0	6,50	6,00	8,50	Vật lí	6,00			HSG2; NPTG;
450	030	010450	NGUYỄN QUANG LINH	Nam	17/12/2001	BV huyện Văn Yên, Yên Bái	Tốt	Giỏi	16,4	8,7	10,0	0,0	2,5	2,5	7,25	9,00	8,50	Vật lí	8,00	Toán		HSG3; NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcơ	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
451	031	010451	NGUYỄN HỮU MẠNH	Nam	25/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,2	9,0	0,0	1,5	1,5	7,25	6,50	8,50	Vật lí	7,50			NPTG;
452	031	010452	NGUYỄN THANH HÀ MY	Nữ	18/10/2002	Bệnh viện Phú thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	9,0	0,0	1,5	1,5	6,75	8,25	8,50	Vật lí	6,50			NPTG;
453	031	010453	TRƯƠNG MINH NGHĨA	Nam	05/11/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,2	7,5	0,0	1,5	1,5	6,25	5,00	8,25	Vật lí	1,50			NPTG;
454	031	010454	TRẦN HỒNG NHUNG	Nữ	02/09/2002	Trạm y tế xã Từ Đà	Tốt	Giỏi	16,8	8,3	11,0	0,0	3,0	3,0	7,25	7,50	8,75	Vật lí	6,75			HSG2; NPTG;
455	031	010455	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	Nam	31/10/2002	Bệnh viện Phú thọ	Tốt	Giỏi	17,3	9,0	11,0	0,0	3,0	3,0	7,25	9,50	8,50	Vật lí	9,25			HSG2; NPTG;
456	031	010456	NGUYỄN NGỌC QUANG	Nam	09/08/2002	Phù Ninh, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,4	9,0	0,0	1,0	1,0	8,00	7,25	8,25	Vật lí	8,00			NPTK;
457	031	010457	ĐẶNG ĐỨC QUYỀN	Nam	22/02/2002	BV huyện Thanh Ba	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	6,25	8,25	Vật lí	6,75	Toán		NPTG;
458	031	010458	NGÔ MẠNH QUYỀN	Nam	06/12/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,5	7,9	11,5	0,0	3,5	3,5	5,50	7,50	5,00	Vật lí	5,25	Toán		KTLM1; NPTG;
459	031	010459	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	31/08/2002	Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,6	9,0	10,0	0,0	2,0	2,0	8,00	6,75	8,25	Vật lí	7,50			HSG3; NPTK;
460	031	010460	PHẠM NGỌC QUỲNH	Nữ	20/02/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	7,50	8,00	Vật lí	4,50			NPTG;
461	031	010461	KIỀU ĐỨC THÀNH	Nam	25/02/2002	Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	10,0	0,0	2,5	2,5	6,25	7,25	7,50	Vật lí	8,75			HSG3; NPTG;
462	031	010462	LƯƠNG TIẾN THÀNH	Nam	13/09/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,1	7,5	0,0	1,5	1,5	5,00	5,25	7,00	Vật lí	4,25			NPTG;
463	031	010463	NGUYỄN HÀ PHÚ THỊNH	Nam	09/11/2002	Bệnh viện Hạ Hòa	Tốt	Giỏi	17,0	8,7	10,0	0,0	2,5	2,5	8,00	9,00	8,50	Vật lí	7,50			HSG3; NPTG;
464	031	010464	ĐINH PHƯƠNG TRANG	Nữ	25/10/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	7,00	8,00	Vật lí	4,00	Toán	0,25	NPTG;
465	031	010465	PHAN QUỐC TUẤN	Nam	15/12/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,3	10,5	0,0	3,0	3,0	6,25	8,50	8,75	Vật lí	8,25			HSG2; NPTG;
466	032	010466	LẠI XUÂN TÙNG	Nam	08/01/2002	BV đa khoa Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	6,75	8,00	Vật lí	5,25	Tiếng Anh		NPTG;
467	032	010467	NGUYỄN ANH TÙNG	Nam	18/09/2002	Viện bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh	Tốt	Giỏi	16,6	8,7	12,0	0,0	2,0	2,0	6,00	8,25	8,50	Vật lí	9,00			TDTT1; TT4;
468	032	010468	TRẦN THANH TÙNG	Nam	03/06/2002	TP Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,7	7,5	0,0	1,5	1,5	8,00	9,25	8,00	Vật lí	8,25	Tiếng Anh		NPTG;
469	032	010469	VŨ THANH TÙNG	Nam	24/02/2002	Bệnh viện TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,75	8,00	Vật lí	5,75	Toán	3,00	NPTG;
470	032	010470	LƯƠNG HOÀNG ANH	Nam	31/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,8	10,0	0,0	2,5	2,5	7,00	7,25	8,25	Hoá học	5,25			HSG3; NPTG;
471	032	010471	PHẠM TUẤN ANH	Nam	17/12/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	9,5	0,0	2,5	2,5	6,25	5,00	8,50	Hoá học	6,25			HSG3; NPTG;
472	032	010472	TỬ PHƯƠNG ANH	Nữ	09/11/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,5	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	5,75	8,50	Hoá học	1,75	Ngữ văn		NPTG;
473	032	010473	ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	01/08/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,0	7,0	0,0	1,5	1,5	6,00	5,50	5,25	Hoá học	0,75			NPTG;
474	032	010474	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	29/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,6	8,0	0,0	1,0	1,0	7,00	8,25	7,50	Hoá học	6,50			NPTK;
475	032	010475	PHẠM VŨ NGỌC ÁNH	Nữ	03/07/2002	BV huyện Cẩm Khê, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,6	11,0	0,0	3,0	3,0	8,00	7,50	8,50	Hoá học	6,75			HSG2; NPTG;
476	032	010476	HOÀNG XUÂN BÁCH	Nam	30/06/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Khá	15,5	7,7	6,0	0,0	1,5	1,5	6,50	6,25	8,25	Hoá học	3,75			NPTG;
477	032	010477	ĐẶNG HÒA BÌNH	Nam	27/01/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	7,5	0,0	1,5	1,5	4,25	7,00	8,00	Hoá học	3,50			NPTG;
478	032	010478	MAI THANH BÌNH	Nữ	11/11/2002	Triệu Sơn, Thanh Hóa	Tốt	Giỏi	15,9	8,7	7,5	0,0	1,5	1,5	6,00	5,75	6,00	Hoá học	4,00			NPTG;
479	032	010479	LÊ QUỲNH CHI	Nữ	02/11/2002	BV dệt may khu vực Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	9,0	10,0	0,0	2,5	2,5	7,25	9,75	7,75	Hoá học	8,25			HSG3; NPTG;
480	032	010480	NGUYỄN KIM CHI	Nữ	05/01/2002	Sông Thao, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,6	11,0	0,0	3,0	3,0	6,50	6,50	8,50	Hoá học	8,00			HSG2; NPTG;
481	033	010481	NGUYỄN QUÊ CHI	Nữ	29/10/2002	Trạm y tế phường Tiên Cát	Tốt	Giỏi	16,7	8,4	9,0	0,0	1,5	1,5	8,25	8,50	7,25	Hoá học	6,75			NPTG;
482	033	010482	BÙI QUANG CÔNG	Nam	15/04/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	7,75	7,25	Hoá học	5,88			NPTG;
483	033	010483	BÙI NGỌC DIỆP	Nữ	20/06/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,50	8,50	Hoá học	5,00	Tiếng Anh	2,30	NPTG;
484	033	010484	NGUYỄN THẾ DUYỆT	Nam	02/02/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	11,0	0,0	3,0	3,0	7,75	7,25	8,75	Hoá học	6,63			HSG2; NPTG;
485	033	010485	ĐOÀN TIẾN DŨNG	Nam	22/05/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,1	8,0	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	6,25	8,00	Hoá học	2,25			NPTG;
486	033	010486	NGUYỄN QUỐC NHẬT DƯƠNG	Nam	05/04/2002	BV h. Sông Thao, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,9	8,3	11,0	1,0	3,0	4,0	6,00	6,50	8,25	Hoá học	7,00			VDBKK; HSG2; NPTG;
487	033	010487	HOÀNG QUỐC ĐẠI	Nam	19/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,6	9,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,25	8,50	Hoá học	6,75			NPTG;
488	033	010488	TRẦN HẢI ĐĂNG	Nam	02/05/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	9,0	10,0	0,0	2,5	2,5	7,50	9,00	8,00	Hoá học	7,50			HSG3; NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+Ngữ văn	Điểm TBcơ	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
489	033	010489	PHAN VŨ ĐỨC	Nam	19/09/2002	BVKV Sơn Tây Hà Nội	Tốt	Giỏi	16,8	9,0	9,0	0,0	1,5	1,5	7,25	8,25	8,50	Hoá học	5,00			NPTG;
490	033	010490	VƯƠNG VIỆT HÀ	Nữ	07/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,25	8,50	Hoá học	6,25			NPTG;
491	033	010491	NGUYỄN ĐĂNG HẢI	Nam	14/03/2002	Cẩm Khê, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,3	9,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,25	8,50	Hoá học	5,50			NPTG;
492	033	010492	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	20/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,5	12,0	0,0	3,5	3,5	7,25	8,50	8,50	Hoá học	6,75			TDTT1; NPTG; TT4;
493	033	010493	NGUYỄN THỊ NGỌC HOA	Nữ	04/07/2002	Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	9,2	8,0	0,0	1,0	1,0	6,50	6,75	8,75	Hoá học	4,75			NPTK;
494	033	010494	TRẦN THỊ MINH HOÀI	Nữ	13/06/2002	Thanh Ba - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,1	9,0	0,0	1,5	1,5	6,00	4,25	8,00	Hoá học	5,75	Toán		NPTG;
495	033	010495	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	18/10/2002	BV Việt Trì-PTân Dân, Việt Trì	Tốt	Giỏi	16,6	8,9	8,0	2,0	1,5	3,5	7,75	9,25	8,50	Hoá học	4,50	Tiếng Anh		CTB2; NPTG;
496	034	010496	PHẠM VIỆT HOÀNG	Nam	01/05/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,5	8,5	0,0	2,5	2,5	5,75	7,00	8,25	Hoá học	7,50			HSG3; NPTG;
497	034	010497	MA ĐỨC HUY	Nam	13/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	7,50	8,00	Hoá học	4,75			NPTG;
498	034	010498	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	01/07/2002	Việt Trì, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,9	11,0	0,0	3,0	3,0	7,75	8,00	8,50	Hoá học	7,25			HSG2; NPTG;
499	034	010499	NGUYỄN VIỆT TUẤN HUY	Nam	03/03/2002	TT y tế h.Thanh Ba Phú Thọ	Tốt	Khá	13,4	7,6	7,5	0,0	1,5	1,5	5,50	5,50	8,50	Hoá học	2,25			NPTG;
500	034	010500	TRẦN THỊ MINH HUYỀN	Nữ	31/08/2002	BV huyện Phù Ninh	Tốt	Giỏi	15,0	8,2	9,0	0,0	2,5	2,5	7,50	7,00	7,50	Hoá học	4,50			HSG3; NPTG;
501	034	010501	NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	21/01/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,0	8,2	7,5	2,0	1,5	3,5	5,25	7,25	8,50	Hoá học	1,00			CCS2; NPTG;
502	034	010502	NGUYỄN QUANG HÙNG	Nam	29/03/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Khá	14,7	7,9	7,5	0,0	1,0	1,0	6,25	8,00	8,50	Hoá học	2,25			NPTK;
503	034	010503	NGUYỄN TUẤN HÙNG	Nam	09/10/2002	BV thị xã Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,6	11,0	0,0	3,0	3,0	6,50	5,50	8,00	Hoá học	8,50	Toán	2,75	HSG2; NPTG;
504	034	010504	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	13/02/2002	BV h.Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	9,1	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,50	8,25	Hoá học	4,75			NPTG;
505	034	010505	VŨ THANH HƯƠNG	Nữ	20/06/2002	Đoan Hùng - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,8	7,0	0,0	1,5	1,5	7,75	6,75	7,50	Hoá học	4,25			NPTG;
506	034	010506	HOÀNG QUỐC KHÁNH	Nam	27/12/2002	Thanh Ba - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	7,25	8,25	Hoá học	2,25			NPTG;
507	034	010507	QUÁCH DƯƠNG NAM KHÁNH	Nam	21/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,7	8,0	6,5	0,0	1,5	1,5	7,50	7,25	7,50	Hoá học	2,00	Tiếng Anh	1,20	NPTG;
508	034	010508	TRẦN NGỌC KHÁNH	Nam	09/05/2002	Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Tốt	Giỏi	17,5	9,0	10,0	0,0	2,5	2,5	8,25	9,50	8,50	Hoá học	6,25			HSG3; NPTG;
509	034	010509	LÊ MINH KHẢI	Nam	26/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	3,75	8,00	Hoá học	5,25			NPTG;
510	034	010510	NGUYỄN ANH KIỆT	Nam	25/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	9,1	9,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,25	8,50	Hoá học	8,00			NPTG;
511	035	010511	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	11/09/2002	BVĐK Thị xã Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,00	8,25	Hoá học	5,75			NPTG;
512	035	010512	NGUYỄN HOA DIỆU LINH	Nữ	05/04/2002	Sông Thao, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,8	11,0	0,0	3,0	3,0	6,50	8,50	7,75	Hoá học	8,50			HSG2; NPTG;
513	035	010513	CAO BẢO LONG	Nam	19/04/2002	Bệnh viện E Hà Nội	Tốt	Giỏi	16,3	8,7	11,0	0,0	3,0	3,0	7,75	8,75	8,50	Hoá học	8,25			HSG2; NPTG;
514	035	010514	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	01/03/2002	BV đa khoa TX Phú Thọ	Tốt	Khá	14,2	8,1	6,5	0,0	1,5	1,5	4,00	7,50	8,25	Hoá học	3,25			NPTG;
515	035	010515	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	24/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,9	11,0	0,0	3,0	3,0	6,25	9,25	7,50	Hoá học	7,50			HSG2; NPTG;
516	035	010516	LƯU THẢO LY	Nữ	22/12/2002	Khoa sản bệnh viện	Tốt	Giỏi	16,7	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	8,75	8,50	Hoá học	6,00			NPTG;
517	035	010517	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	22/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,5	6,5	0,0	1,5	1,5	6,50	7,50	8,00	Hoá học	3,00			NPTG;
518	035	010518	NGUYỄN QUỲNH MAI	Nữ	04/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,6	8,0	0,0	1,0	1,0	8,00	6,50	7,75	Hoá học	2,50			NPTK;
519	035	010519	NGUYỄN MINH	Nam	16/03/2002	Cẩm Khê - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,9	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	7,00	7,50	Hoá học	4,50	Toán	1,00	NPTG;
520	035	010520	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	22/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,0	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	7,25	8,50	Hoá học	2,75			NPTG;
521	035	010521	TRẦN CÔNG MINH	Nam	20/11/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,9	8,0	8,5	0,0	2,5	2,5	6,75	7,50	7,50	Hoá học	5,50			HSG3; NPTG;
522	035	010522	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	02/02/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,5	11,0	0,0	3,0	3,0	8,00	9,50	8,50	Hoá học	8,25			HSG2; NPTG;
523	035	010523	PHÙNG VĂN MỸ	Nam	28/09/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,75	8,00	Hoá học	4,00			NPTG;
524	035	010524	HOÀNG QUỲNH NGÀ	Nữ	26/06/2002	Khoa sản, BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	8,0	1,0	1,5	2,5	5,75	4,00	5,00	Hoá học	5,50			DT; NPTG;
525	035	010525	NGUYỄN HƯƠNG NGÀ	Nữ	24/07/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,50	8,50	Hoá học	6,50			NPTG;
526	036	010526	BÙI BÍCH NGỌC	Nữ	18/12/2002	Đoan Hùng - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,8	11,0	0,0	3,0	3,0	7,25	7,00	8,00	Hoá học	4,00			KTLM2; NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+Ngữ văn	Điểm TBcơ	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
527	036	010527	KHÔNG THỊ BẢO NGỌC	Nữ	30/11/2002	Lâm Thao, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	8,00	8,50	Hoá học	5,75			NPTG;
528	036	010528	PHAN LONG NHẬT	Nam	27/06/2002	BV Việt Trì	Tốt	Giỏi	15,0	8,1	7,5	0,0	1,5	1,5	6,25	7,50	8,50	Hoá học	6,50			NPTG;
529	036	010529	LÊ TRANG NHUNG	Nữ	01/02/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,4	8,0	0,0	1,0	1,0	6,75	6,75	8,25	Hoá học	0,75			NPTK;
530	036	010530	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	19/01/2002	BVĐK Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	5,75	8,00	Hoá học	3,50			NPTG;
531	036	010531	HOÀNG MAI PHƯƠNG	Nữ	03/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,9	11,0	0,0	2,5	2,5	7,50	8,75	8,50	Hoá học	7,75			HSG2; NPTK;
532	036	010532	LƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	17/02/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,7	10,0	0,0	2,5	2,5	7,50	6,00	8,50	Hoá học	6,38			HSG3; NPTG;
533	036	010533	TRẦN HỒNG QUANG	Nam	20/09/2002	Bệnh viện Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Khá	14,4	7,9	5,5	0,0	1,5	1,5	5,00	7,00	8,00	Hoá học	2,75			NPTG;
534	036	010534	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	02/07/2002	BV Cẩm Khê	Tốt	Giỏi	14,7	8,5	9,0	0,0	1,5	1,5	5,75	8,75	8,00	Hoá học	8,50			NPTG;
535	036	010535	NGUYỄN KHẮC QUÂN	Nam	08/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,6	8,0	6,5	0,0	1,5	1,5	4,75	4,75	3,25	Hoá học	0,50			NPTG;
536	036	010536	VŨ HỒNG QUÂN	Nam	02/01/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,75	8,25	Hoá học	3,88	Toán	1,25	NPTG;
537	036	010537	PHAM QUANG SÁNG	Nam	18/05/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,4	9,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,25	8,00	Hoá học	5,25			NPTG;
538	036	010538	VŨ HÀ MINH TÂM	Nữ	27/01/2002	Đoan Hùng, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	9,2	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,75	8,50	Hoá học	8,00			NPTG;
539	036	010539	NGUYỄN QUANG THÁI	Nam	18/07/2002	Đoan Hùng - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	9,2	9,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,50	8,25	Hoá học	7,00			NPTG;
540	036	010540	NGUYỄN VIỆT THÁI	Nam	02/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,4	7,8	7,0	0,0	1,5	1,5	4,50	5,25	7,25	Hoá học	1,13	Toán	1,00	NPTG;
541	037	010541	CAO THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/06/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,3	8,9	11,0	0,0	3,0	3,0	6,75	8,25	8,50	Hoá học	7,13			HSG2; NPTG;
542	037	010542	HÀ QUANG THẮNG	Nam	20/11/2002	BV ĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	7,25	7,50	Hoá học	5,00			NPTG;
543	037	010543	TRIỀU ĐỨC THIÊN	Nam	02/03/2002	Lâm Thao-Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,1	8,5	0,0	1,5	1,5	6,25	5,25	7,25	Hoá học	5,75			NPTG;
544	037	010544	LÊ KIỀU TRINH	Nữ	01/09/2002	Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	9,1	10,0	0,0	2,5	2,5	7,00	7,25	8,50	Hoá học	6,00			HSG3; NPTG;
545	037	010545	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	Nam	15/04/2002	Sông Thao - Phú Thọ	Tốt	Khá	16,2	7,9	6,5	0,0	1,0	1,0	5,25	6,75	5,25	Hoá học	2,38			NPTK;
546	037	010546	NGUYỄN QUỐC TRỌNG	Nam	11/11/2002	Hạ Hòa, Phú Thọ	Tốt	Khá	14,1	8,0	9,5	0,0	2,5	2,5	3,75	4,50	8,25	Hoá học	8,00	Toán	6,00	HSG2; NPTK;
547	037	010547	PHÙNG ANH TUẤN	Nam	23/05/2002	BV Dệt may Phú Thọ	Tốt	Khá	14,7	7,8	7,0	0,0	1,5	1,5	5,50	7,75	8,00	Hoá học	2,38			NPTG;
548	037	010548	LÊ ANH TÙNG	Nam	01/09/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,0	8,2	9,5	0,0	2,5	2,5	6,00	6,00	7,75	Hoá học	7,63			HSG3; NPTG;
549	037	010549	PHAM HỒNG TÙNG	Nam	23/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	9,0	10,0	0,0	2,5	2,5	6,00	9,75	8,50	Hoá học	6,63			HSG3; NPTG;
550	037	010550	TRẦN THANH TÙNG	Nam	01/02/2002	BV Việt Trì, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	9,0	0,0	1,5	1,5	7,75	8,25	7,50	Hoá học	6,25			NPTG;
551	037	010551	TRẦN ANH TÚ	Nam	30/05/2002	Yên Lập, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,2	7,0	1,0	1,5	2,5	4,75	2,00	6,25	Hoá học	3,75			DT; NPTG;
552	037	010552	VŨ MINH TÚ	Nam	01/01/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	4,75	7,75	Hoá học	5,75			NPTG;
553	037	010553	NGUYỄN GIA TUỒNG	Nam	30/09/2002	BVĐK Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	8,0	1,0	1,5	2,5	6,50	7,75	6,50	Hoá học	0,88			DT; NPTG;
554	037	010554	CAO LONG VŨ	Nam	31/05/2002	TTBVSKBMTE tỉnh Vĩnh Phúc	Tốt	Giỏi	16,9	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	7,25	8,50	Hoá học	0,88			NPTG;
555	037	010555	LÊ HOÀNG VŨ	Nam	29/05/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,1	8,4	7,0	0,0	1,5	1,5	6,25	9,00	8,50	Hoá học	3,25			NPTG;
556	037	010556	PHAN QUỐC VƯƠNG	Nam	28/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,4	9,5	0,0	2,5	2,5	5,75	7,25	8,50	Hoá học	5,50			TDTT3; NPTG;
557	037	010557	BÙI HẢI YÊN	Nữ	02/06/2002	BVĐK Phú Thọ - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,5	7,5	0,0	1,5	1,5	7,75	3,75	8,50	Hoá học	5,63			NPTG;
558	037	010558	LÊ ĐỨC ANH	Nam	01/07/2002	BV Dệt May khu vực Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,4	12,0	0,0	3,5	3,5	6,75	8,00	8,50	Sinh học	7,50			KTLM1; NPTG;
559	037	010559	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	06/04/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,5	11,0	0,0	3,0	3,0	8,25	7,75	8,50	Sinh học	7,25			HSG2; NPTG;
560	037	010560	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	24/06/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,2	6,5	2,0	1,5	3,5	5,25	4,25	8,50	Sinh học	4,75			CCS2; NPTG;
561	037	010561	TRỊNH NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	01/10/2002	BV đa khoa TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,25	8,00	Sinh học	5,50			NPTG;
562	037	010562	NGUYỄN THỊ LINH CHI	Nữ	02/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	8,00	8,25	Sinh học	0,50			NPTG;
563	037	010563	THIỆU PHƯƠNG CHI	Nữ	21/10/2002	Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,9	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	5,25	6,00	8,50	Sinh học	4,25			NPTG;
564	037	010564	KHÔNG VĂN CHIẾN	Nam	05/07/2002	Việt Trì, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,5	8,6	10,0	0,0	2,5	2,5	7,50	7,00	8,25	Sinh học	7,25			HSG3; NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcán	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
565	038	010565	NGUYỄN KHÁNH DIỆU	Nữ	23/02/2002	Nhà hộ sinh KV I - TP Huế	Tốt	Giỏi	16,0	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	7,50	7,75	Sinh học	5,75			NPTG;
566	038	010566	NGUYỄN KHÁNH DUY	Nam	09/12/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,2	6,5	0,0	1,5	1,5	6,50	8,00	6,00	Sinh học	4,75			NPTG;
567	038	010567	ĐỖ HỒNG DUYỀN	Nữ	07/09/2002	Phù Ninh, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,9	8,9	10,0	0,0	3,5	3,5	7,75	9,50	9,00	Sinh học	8,50			HSG3; KTLM3; NPTG;
568	038	010568	PHÙNG VIỆT DŨNG	Nam	11/03/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,7	8,2	10,5	0,0	3,0	3,0	5,00	7,75	7,50	Sinh học	8,25			HSG2; NPTG;
569	038	010569	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	19/04/2002	TT BVSKBMTE - KHHGĐ	Tốt	Giỏi	17,1	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	5,25	9,00	8,25	Sinh học	6,25			NPTG;
570	038	010570	PHẠM TẮT ĐẠT	Nam	08/10/2002	BV đa khoa Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,6	9,5	0,0	2,5	2,5	7,00	6,25	8,00	Sinh học	7,75			HSG3; NPTG;
571	038	010571	TRẦN BÙI ĐẠT	Nam	27/07/2002	Lâm Thao -Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,2	10,0	0,0	2,5	2,5	6,50	8,75	8,00	Sinh học	6,00			HSG3; NPTG;
572	038	010572	HẮN HẢI ĐĂNG	Nam	28/07/2002	BV Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,0	7,0	0,0	1,5	1,5	5,75	7,50	8,25	Sinh học	3,00			NPTG;
573	038	010573	BÙI NGUYỄN ĐẮC	Nam	01/03/2002	BV xây dựng Việt Trì	Tốt	Giỏi	16,6	8,5	12,0	0,0	3,5	3,5	7,00	8,75	8,00	Sinh học	7,25			TDTT1; NPTG; TT4;
574	038	010574	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	08/01/2002	Bv Việt Trì, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	6,50	5,50	Sinh học	5,75			NPTG;
575	038	010575	NGUYỄN THU GIANG	Nữ	30/04/2002	Bv Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,5	11,0	0,0	2,5	2,5	7,25	8,25	8,00	Sinh học	8,75			HSG2; NPTK;
576	038	010576	TRẦN THỊ TRÀ GIANG	Nữ	07/12/2002	BVĐK huyện Lâm Thao	Tốt	Giỏi	17,3	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	7,00	8,00	Sinh học	5,75			NPTG;
577	038	010577	LÊ NGỌC HÀ	Nữ	20/02/2002	BV thị xã Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,6	9,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,00	8,00	Sinh học	8,00			NPTG;
578	038	010578	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	13/12/2002	Thanh Ba - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,3	9,0	0,0	1,5	1,5	7,25	6,75	7,50	Sinh học	2,50	Ngữ văn	4,50	NPTG;
579	038	010579	NGUYỄN VIỆT HUNG	Nam	29/03/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,6	12,0	0,0	5,0	5,0	7,00	7,00	7,00	Sinh học	7,75			HSG2; KTLMQG; NPTG;
580	038	010580	ĐỖ LAN HƯƠNG	Nữ	09/12/2002	Thanh Ba, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	5,50	8,25	Sinh học	3,50			NPTG;
581	038	010581	NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	14/02/2002	Thanh Ba, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	5,75	4,00	3,50	Sinh học	3,75			NPTG;
582	038	010582	HÀ THỊ THU HƯỜNG	Nữ	29/05/2002	Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Khá	13,7	7,8	6,0	0,0	1,5	1,5	6,50	5,00	7,00	Sinh học	3,75			NPTG;
583	038	010583	HÀ THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	29/08/2002	Cẩm Khê, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	5,25	4,75	8,00	Sinh học	4,00			NPTG;
584	038	010584	PHẠM THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	06/03/2002	Thanh Sơn, Phú Thọ	Tốt	Khá	12,9	7,5	6,0	0,0	1,5	1,5	6,00	5,75	5,50	Sinh học	4,50			NPTG;
585	038	010585	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	02/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,9	10,5	0,0	3,0	3,0	7,00	8,00	8,50	Sinh học	8,50			HSG2; NPTG;
586	038	010586	NGUYỄN TẠ THẢO LINH	Nữ	02/07/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	7,00	8,50	Sinh học	4,00			NPTG;
587	038	010587	NGUYỄN THỊ ÁNH LY	Nữ	06/07/2002	Trạm y tế phường Dữu Lâu	Tốt	Giỏi	17,3	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,50	8,50	Sinh học	2,50			NPTG;
588	038	010588	LƯƠNG NGỌC MAI	Nữ	12/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,7	8,0	7,5	1,0	1,5	2,5	7,25	8,50	8,50	Sinh học	3,75			DT; NPTG;
589	039	010589	NGUYỄN XUÂN MAI	Nữ	12/07/2002	Viện bà mẹ trẻ em Hà Nội	Tốt	Giỏi	15,4	8,4	9,5	0,0	2,0	2,0	8,25	4,25	7,75	Sinh học	9,25			HSG3; NPTK;
590	039	010590	HOÀNG TIẾN MINH	Nam	26/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,4	10,0	0,0	2,5	2,5	7,00	8,75	7,75	Sinh học	4,75	Tiếng Anh		HSG3; NPTG;
591	039	010591	ĐẶNG YÊN NHI	Nữ	31/12/2002	BV đa khoa Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,3	10,5	0,0	3,0	3,0	7,50	5,75	8,50	Sinh học	2,00			KHKT2; NPTG;
592	039	010592	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	Nữ	28/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,0	8,2	11,5	0,0	2,5	2,5	6,50	6,75	7,75	Sinh học	7,50			HSG3; NPTG;
593	039	010593	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	24/05/2002	Khoa Sản BVViệt Trì Phú Thọ	Tốt	Khá	15,1	8,1	7,0	0,0	1,5	1,5	7,50	6,25	7,50	Sinh học	4,75			NPTG;
594	039	010594	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	13/05/2002	Lâm Thao, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,7	9,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,00	8,50	Sinh học	6,25			NPTG;
595	039	010595	TRẦN THỊ TÂM QUỲNH	Nữ	06/07/2002	BV Việt Trì, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,6	11,0	0,0	3,0	3,0	7,00	7,75	8,50	Sinh học	6,50			HSG2; NPTG;
596	039	010596	TRẦN VĂN SƠN	Nam	30/06/2002	Trạm Y Tế xã Văn Lung,TX Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	6,75	4,25	5,25	Sinh học	4,75			NPTG;
597	039	010597	BÙI DIỆU THẢO	Nữ	09/04/2002	BV huyện Lâm Thao	Tốt	Giỏi	17,5	8,6	9,0	0,0	1,5	1,5	7,50	6,25	8,50	Sinh học	4,00			NPTG;
598	039	010598	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/01/2002	BVĐK số2 P.Bắc Lệnh, Lào Cai	Tốt	Giỏi	15,3	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	3,75	6,50	Sinh học	6,25	Ngữ văn	4,75	NPTG;
599	039	010599	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/08/2002	BV Việt Trì	Tốt	Giỏi	16,1	8,6	11,0	0,0	3,0	3,0	6,75	8,50	6,50	Sinh học	8,00			HSG2; NPTG;
600	039	010600	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/05/2002	Yên Lập - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,6	8,0	1,0	1,5	2,5	6,00	6,25	5,25	Sinh học	6,00	Ngữ văn		DT; NPTG;
601	039	010601	PHẠM THU THẢO	Nữ	02/11/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,9	11,0	0,0	3,0	3,0	7,75	7,75	8,50	Sinh học	8,25			HSG2; NPTG;
602	039	010602	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	06/10/2002	BV huyện Lâm Thao, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,2	9,0	0,0	1,5	1,5	8,50	7,50	5,75	Sinh học	4,00			NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcơ bản	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
603	039	010603	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	02/02/2002	Trạm y tế xã Trung Vương	Tốt	Giỏi	15,4	8,4	10,0	0,0	3,0	3,0	7,25	8,00	7,25	Sinh học	8,75			HSG2; NPTG;
604	039	010604	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	30/04/2002	Đoan Hùng, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	10,0	0,0	2,5	2,5	6,00	7,25	8,50	Sinh học	7,00			HSG3; NPTG;
605	039	010605	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	22/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,0	8,3	10,0	0,0	2,5	2,5	8,50	8,00	5,75	Sinh học	4,75			HSG3; NPTG;
606	039	010606	HOÀNG THÙY TRANG	Nữ	19/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	8,00	8,50	Sinh học	5,75			NPTG;
607	039	010607	NGUYỄN HÀ THÙY TRANG	Nữ	11/06/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,25	7,00	Sinh học	5,00			NPTG;
608	039	010608	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	03/06/2002	Hạ Hòa - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,9	11,0	1,0	3,0	4,0	6,75	7,75	8,50	Sinh học	6,75			VĐBKK; HSG2; NPTG;
609	039	010609	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	03/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,3	7,5	0,0	1,0	1,0	6,75	6,25	7,00	Sinh học	3,00			NPTK;
610	039	010610	TRẦN HOÀI TRANG	Nữ	26/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,9	10,0	0,0	2,5	2,5	7,75	8,00	7,25	Sinh học	6,50			HSG3; NPTG;
611	040	010611	TRẦN MINH TRANG	Nữ	15/05/2002	Phù Ninh, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,2	9,5	0,0	2,5	2,5	7,00	5,50	5,50	Sinh học	6,25			HSG3; NPTG;
612	040	010612	TRẦN THU TRÀ	Nữ	18/05/2002	BV Phụ sản Hà Nội	Tốt	Khá	15,0	8,2	8,0	0,0	1,0	1,0	6,75	6,00	5,75	Sinh học	6,50			NPTK;
613	040	010613	ĐỖ THÀNH TRUNG	Nam	12/12/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,5	8,4	10,0	0,0	2,5	2,5	7,25	8,00	8,00	Sinh học	5,00			HSG3; NPTG;
614	040	010614	ĐỖ NGỌC TUẤN	Nam	05/07/2002	BV đa khoa Thái Nguyên	Tốt	Khá	13,3	8,0	9,0	0,0	2,5	2,5	5,75	5,50	5,75	Sinh học	7,75			HSG3; NPTG;
615	040	010615	PHẠM DƯƠNG MINH TUẤN	Nam	29/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,1	8,1	10,5	0,0	3,0	3,0	6,75	8,25	6,75	Sinh học	7,50	Toán		HSG2; NPTG;
616	040	010616	LƯƠNG QUỐC VIỆT	Nam	07/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	8,75	8,50	Sinh học	5,75			NPTG;
617	040	010617	LƯU QUỐC VƯỢNG	Nam	14/04/2002	Khoa sản BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,6	7,6	6,0	0,0	1,5	1,5	4,00	7,00	7,75	Sinh học	3,00			NPTG;
618	040	010618	NGUYỄN VĂN AN	Nam	13/02/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	5,50	7,25	8,50	Tin học	3,00	Toán	0,00	NPTG;
619	040	010619	ĐẶNG NGỌC ANH	Nam	31/07/2002	Phù Ninh - Phú Thọ	Tốt	Khá	15,3	7,9	6,5	0,0	1,5	1,5	5,50	5,50	8,50	Tin học	1,75			NPTG;
620	040	010620	LƯƠNG HOÀNG ANH	Nam	31/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,5	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	6,75	8,50	Tin học	2,75			NPTG;
621	040	010621	NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	23/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	7,0	2,0	1,5	3,5	5,00	7,75	8,00	Tin học	2,75	Toán	1,25	CCS2; NPTG;
622	040	010622	VI MINH ANH	Nữ	27/08/2002	BVĐK Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,9	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,75	8,25	Tin học	2,50			NPTG;
623	040	010623	NGUYỄN LƯU ÁNH	Nữ	09/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,5	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	8,50	7,00	Tin học	2,50			NPTG;
624	040	010624	TRẦN QUANG BÁCH	Nam	16/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,1	8,5	6,5	0,0	1,5	1,5	7,00	8,75	7,75	Tin học	2,75	Toán	1,75	NPTG;
625	040	010625	LÊ TẤT BÌNH	Nam	30/05/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,7	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,25	7,00	Tin học	2,25			NPTG;
626	040	010626	LÊ THÙY DUNG	Nữ	30/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	7,25	7,00	Tin học	3,25			NPTG;
627	040	010627	LƯƠNG TIẾN DŨNG	Nam	29/12/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	9,75	8,25	Tin học	2,25	Tiếng Anh	4,50	NPTG;
628	040	010628	NGUYỄN TUẤN DŨNG	Nam	20/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,2	7,5	6,0	0,0	1,5	1,5	7,50	7,25	8,00	Tin học	1,75			NPTG;
629	040	010629	ĐỖ THÙY DƯƠNG	Nữ	16/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	6,25	8,50	Tin học	5,00			NPTG;
630	040	010630	PHÙNG HẢI DƯƠNG	Nam	07/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,1	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,00	8,00	Tin học	3,25			NPTG;
631	040	010631	BÙI QUANG ĐỨC	Nam	08/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	7,00	8,25	Tin học	2,50			NPTG;
632	040	010632	TẠ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	17/07/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	8,0	0,0	1,0	1,0	8,00	7,00	8,50	Tin học	2,00	Toán	1,75	NPTK;
633	041	010633	ĐẶNG VĂN HẢI	Nam	04/10/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,2	10,0	0,0	2,5	2,5	8,00	6,25	8,50	Tin học	5,25			HSG3; NPTG;
634	041	010634	HÀ NGỌC HOA	Nữ	16/02/2002	Phù Ninh, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	18,3	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	5,25	8,50	Tin học	3,00			NPTG;
635	041	010635	ĐỖ VIỆT HOÀNG	Nam	11/04/2002	TT y tế thành phố Việt Trì	Tốt	Giỏi	15,5	8,0	8,0	0,0	1,0	1,0	7,25	7,75	6,75	Tin học	3,00			NPTK;
636	041	010636	LÊ HUY HOÀNG	Nam	01/12/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	9,25	8,00	Tin học	3,25			NPTG;
637	041	010637	CHU QUANG HUY	Nam	05/01/2002	Trạm Y Tế Thanh Ba	Tốt	Giỏi	16,0	8,1	7,0	0,0	1,5	1,5	7,25	7,75	8,00	Tin học	1,00			NPTG;
638	041	010638	NGUYỄN HUY HÙNG	Nam	26/10/2002	Bệnh viện Phú Thọ	Tốt	Khá	14,8	8,1	7,5	0,0	2,5	2,5	6,25	5,75	8,00	Tin học	3,00	Toán	3,25	KHKT3; NPTG;
639	041	010639	ĐÀO QUỲ HÙNG	Nam	01/11/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	7,75	8,00	Tin học	4,25	Toán	2,00	NPTG;
640	041	010640	LÊ TUẤN HÙNG	Nam	27/04/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,0	7,0	0,0	1,5	1,5	7,00	5,25	8,25	Tin học	1,50	Toán		NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcán	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
641	041	010641	HOÀNG DUY KHÁNH	Nam	25/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	8,25	8,25	Tin học	1,00			NPTG;
642	041	010642	LƯƠNG THỊ PHONG LAN	Nữ	24/08/2002	Bệnh viện Cẩm Khê	Tốt	Giỏi	18,2	9,0	10,0	0,0	2,5	2,5	8,50	8,00	9,00	Tin học	5,25			KTLM3; NPTG;
643	041	010643	NGUYỄN MẠNH SƠN LÂM	Nam	12/11/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,9	7,9	6,5	0,0	1,5	1,5	6,25	8,50	7,50	Tin học	1,00	Tiếng Anh	2,20	NPTG;
644	041	010644	TRẦN NGỌC LÂM	Nam	07/01/2002	BVDMKV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,75	8,00	Tin học	1,75	Tiếng Anh	2,40	NPTG;
645	041	010645	THÁI ĐỨC LONG	Nam	04/11/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,0	7,6	6,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,25	8,50	Tin học	2,00	Toán	1,00	NPTG;
646	041	010646	ĐỖ PHAN QUANG MINH	Nam	07/12/2002	TTYtế h.Thanh Ba - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,1	6,5	0,0	1,5	1,5	7,25	6,75	8,50	Tin học	2,00			NPTG;
647	041	010647	HOÀNG HÀ MY	Nữ	28/10/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	10,0	0,0	2,5	2,5	8,00	9,00	8,50	Tin học	4,00	Toán	4,00	HSG3; NPTG;
648	041	010648	VŨ PHAN HÀ MY	Nữ	05/06/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	8,25	5,25	5,75	Tin học	1,00			NPTG;
649	041	010649	ĐỖ THỊ KIM NGÂN	Nữ	14/08/2002	BV Phú Thọ tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,7	8,6	7,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,75	9,00	Tin học	4,25			NPTG;
650	041	010650	NGUYỄN VĂN BẢO NGỌC	Nam	16/03/2002	BV ĐK TX Phú Thọ	Tốt	Khá	14,3	7,7	7,5	0,0	1,5	1,5	4,50	4,50	8,50	Tin học	2,25			NPTG;
651	041	010651	VŨ THỊ NGỌC	Nữ	10/09/2002	Trạm y tế xã Trung Nguyên	Tốt	Giỏi	17,1	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,25	8,50	Tin học	3,00			NPTG;
652	041	010652	VŨ NHẬT PHONG	Nam	28/12/2002	TT Y tế huyện Thanh Ba	Tốt	Khá	15,1	7,6	6,0	0,0	1,5	1,5	5,75	8,75	8,50	Tin học	2,75			NPTG;
653	041	010653	NGUYỄN PHÚC THANH	Nam	02/04/2002	BVĐK tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,6	12,0	0,0	5,0	5,0	6,75	9,25	8,25	Tin học	1,50			HSG2; TDTT1; NPTG; TT 4.
654	041	010654	PHẠM NHẬT THÀNH	Nam	12/11/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,3	7,9	7,0	0,0	1,5	1,5	6,50	6,75	8,00	Tin học	1,50			NPTG;
655	042	010655	NGUYỄN NỮ KIỀU TRANG	Nữ	07/02/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,50	8,00	Tin học	2,50			NPTG;
656	042	010656	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	20/11/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,1	7,0	6,0	0,0	1,5	1,5	5,25	7,50	8,00	Tin học	2,00			NPTG;
657	042	010657	LÊ THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	13/06/2002	Thanh Ba - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	6,25	6,00	Tin học	1,00	Ngữ văn		NPTG;
658	042	010658	ĐỖ TRẦN TÙNG	Nam	28/02/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,25	8,50	Tin học	4,75			NPTG;
659	042	010659	LÊ THANH TÙNG	Nam	09/10/2002	Hạ Hòa - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,7	9,0	0,0	1,5	1,5	6,75	6,50	8,50	Tin học	3,50	Toán		NPTG;
660	042	010660	NGUYỄN NGỌC TÙNG	Nam	08/04/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,6	7,5	0,0	1,0	1,0	7,25	8,00	7,50	Tin học	2,75			NPTK;
661	042	010661	PHÙNG THANH TÚ	Nữ	28/10/2002	Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Tốt	Giỏi	17,1	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	7,75	7,75	8,00	Tin học	2,75			NPTG;
662	042	010662	HOÀNG THỊ VÂN	Nữ	27/04/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,4	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	7,50	8,25	Tin học	2,50			NPTG;
663	042	010663	NGUYỄN THÀNH VINH	Nam	13/05/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,6	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	5,25	6,25	8,50	Tin học	1,00			NPTG;
664	042	010664	TRẦN BÁ VINH	Nam	24/01/2002	Trạm Y tế xã Hà Thạch	Tốt	Giỏi	17,5	9,1	11,0	0,0	3,0	3,0	7,50	9,75	8,50	Tin học	2,50	Toán		HSG2; NPTG;
665	042	010665	LÊ VŨ ANH	Nữ	08/09/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,4	7,7	6,0	0,0	1,0	1,0	6,00	3,25	4,00	Lịch sử	1,00			NPTK;
666	042	010666	LƯƠNG HÀ ANH	Nữ	01/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,7	8,3	7,5	1,0	1,5	2,5	8,50	6,75	5,00	Lịch sử	5,50			DT; NPTG;
667	042	010667	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	02/12/2002	BV Việt Trì Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,0	7,5	0,0	1,5	1,5	6,50	4,00	4,00	Lịch sử	6,25			NPTG;
668	042	010668	PHÍ HÀ TRUNG ANH	Nữ	10/12/2002	BV huyện Thanh Sơn	Tốt	Khá	13,2	7,4	6,0	1,0	1,5	2,5	7,25	6,25	7,00	Lịch sử	5,50	Ngữ văn	5,25	DT; NPTG;
669	042	010669	NGUYỄN CHU MINH ÁNH	Nữ	21/01/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,3	7,0	0,0	1,5	1,5	7,75	7,25	7,50	Lịch sử	8,75			NPTG;
670	042	010670	ĐẶNG MINH CHÂU	Nữ	09/03/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,8	8,4	10,5	0,0	2,5	2,5	7,75	7,00	2,00	Lịch sử	8,00			HSG2; NPTK;
671	042	010671	ĐẶNG MINH CHÂU	Nữ	02/07/2002	TT bảo vệ SK bà mẹ trẻ em KHHGD	Tốt	Khá	12,1	7,6	6,0	0,0	1,5	1,5	5,75	4,75	5,25	Lịch sử	4,25			NPTG;
672	042	010672	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	02/07/2002	BVĐK TX Phú Thọ	Tốt	Khá	14,7	8,3	10,0	0,0	3,0	3,0	6,00	6,25	4,50	Lịch sử	8,50			HSG2; NPTG;
673	042	010673	PHẠM KIM CHI	Nữ	25/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,3	8,3	8,5	0,0	2,5	2,5	6,25	5,00	3,50	Lịch sử	9,00			HSG3; NPTG;
674	042	010674	VŨ KIM CHI	Nữ	01/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	12,9	7,6	6,0	0,0	1,5	1,5	6,50	5,00	3,00	Lịch sử	5,50			NPTG;
675	042	010675	BÙI ĐỨC CÔNG	Nam	12/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,6	7,6	6,0	2,0	1,5	3,5	6,25	3,75	6,50	Lịch sử	5,75			CTB2; NPTG;
676	042	010676	NGUYỄN THIÊN CUỒNG	Nam	22/12/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Khá	13,1	7,9	6,0	0,0	1,5	1,5	5,75	3,75	6,00	Lịch sử	8,50			NPTG;
677	043	010677	BÙI KHÁNH HÀ	Nữ	31/10/2002	Việt Trì, Phú Thọ	Tốt	Khá	14,1	8,3	6,5	0,0	1,5	1,5	7,75	7,50	3,75	Lịch sử	6,25			NPTG;
678	043	010678	VŨ VIỆT HÀ	Nữ	22/01/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,5	8,8	9,0	0,0	1,5	1,5	8,25	8,00	6,25	Lịch sử	9,25			NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcđ	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
679	043	010679	NGUYỄN THÚY HIỀN	Nữ	10/01/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Khá	13,4	7,9	7,0	0,0	1,5	1,5	6,50	6,25	5,75	Lịch sử	5,75			NPTG;
680	043	010680	ĐÀO LÊ HOÀNG	Nam	25/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,3	8,1	6,0	0,0	1,5	1,5	7,25	5,00	5,00	Lịch sử	3,75			NPTG;
681	043	010681	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	05/10/2002	BV Huyện Tam Nông	Tốt	Khá	13,7	7,9	6,0	0,0	1,5	1,5	7,25	4,00	7,00	Lịch sử	5,00			NPTG;
682	043	010682	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	02/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,3	8,0	6,0	0,0	1,0	1,0	7,00	7,25	6,25	Lịch sử	2,25			NPTK;
683	043	010683	NGUYỄN PHAM MAI LINH	Nữ	19/01/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,3	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	3,50	6,50	Lịch sử	7,00			NPTG;
684	043	010684	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	12/08/2002	BV Tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,0	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	6,50	6,00	4,75	Lịch sử	7,00			NPTG;
685	043	010685	TRẦN LÊ DIỆU LINH	Nữ	08/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	7,75	8,50	Lịch sử	3,50	Toán	0,50	NPTG;
686	043	010686	VŨ DƯƠNG DIỆU LINH	Nữ	27/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,1	7,1	6,0	0,0	1,0	1,0	5,75	7,00	6,00	Lịch sử	1,25			NPTK;
687	043	010687	VŨ PHAN THÚY NGÀ	Nữ	02/11/2002	BV huyện Bắc Mê-Hà Giang	Tốt	Khá	14,4	8,1	6,5	0,0	1,5	1,5	7,25	4,00	8,25	Lịch sử	4,00			NPTG;
688	043	010688	LƯU VIỆT NGÂN	Nữ	30/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,2	8,0	0,0	1,0	1,0	7,00	5,00	4,25	Lịch sử	6,00			NPTK;
689	043	010689	NGUYỄN THU NGÂN	Nữ	13/11/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,5	7,8	8,0	0,0	2,5	2,5	7,25	6,75	5,25	Lịch sử	8,50			HSG3; NPTG;
690	043	010690	TRẦN BẢO NGÂN	Nữ	17/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,7	7,8	7,0	0,0	1,5	1,5	7,00	3,50	4,75	Lịch sử	1,50			NPTG;
691	043	010691	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	25/11/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,1	8,1	8,5	0,0	2,5	2,5	6,50	7,00	5,50	Lịch sử	7,25			HSG3; NPTG;
692	043	010692	LÊ KIỀU PHƯƠNG	Nữ	24/09/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Khá	14,1	8,2	9,0	0,0	2,5	2,5	6,50	6,25	3,50	Lịch sử	5,25			HSG3; NPTG;
693	043	010693	NGUYỄN BÍCH PHƯƠNG	Nữ	04/09/2002	BV Việt Trì	Tốt	Giỏi	15,6	8,6	8,0	0,0	1,0	1,0	8,25	8,50	8,25	Lịch sử		Ngữ văn	2,50	NPTK;
694	043	010694	TRƯƠNG THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	21/06/2002	BV Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,3	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	2,50	7,75	Lịch sử	7,25	Ngữ văn		NPTG;
695	043	010695	NGUYỄN THỊ THU QUỲNH	Nữ	03/11/2002	Viện BV bà mẹ và trẻ sơ sinh Hà Nội	Tốt	Giỏi	16,3	8,2	7,0	0,0	1,5	1,5	6,25	8,75	8,00	Lịch sử	7,50			NPTG;
696	043	010696	NGUYỄN THỊ QUỲ	Nữ	17/02/2002	Phòng khám phía bắc Việt Trì Phú T	Tốt	Giỏi	16,6	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	8,50	5,50	7,00	Lịch sử	5,00	Ngữ văn		NPTG;
697	043	010697	BÙI KIM SƠN	Nam	27/05/2002	Cẩm Khê, Phú Thọ	Tốt	Khá	15,5	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,75	4,50	6,75	Lịch sử	7,25			NPTG;
698	043	010698	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/08/2002	Viện quân y 103 - Hà Tây	Tốt	Giỏi	16,4	8,4	9,0	0,0	1,5	1,5	7,00	7,75	8,25	Lịch sử	4,75			NPTG;
699	044	010699	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/06/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Khá	14,7	8,2	10,5	0,0	3,0	3,0	7,00	4,25	3,25	Lịch sử	8,00			HSG2; NPTG;
700	044	010700	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	30/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,3	7,4	6,0	0,0	1,5	1,5	7,00	3,25	4,75	Lịch sử	7,50	Ngữ văn	4,00	NPTG;
701	044	010701	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	03/11/2002	Viện BV bà mẹ và trẻ sơ sinh Hà Nội	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	8,0	0,0	1,0	1,0	6,25	8,00	4,25	Lịch sử	5,75			NPTK;
702	044	010702	NGUYỄN THỊ THU TRÀ	Nữ	18/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,4	7,5	0,0	1,5	1,5	7,50	4,25	5,75	Lịch sử	5,75	Ngữ văn		NPTG;
703	044	010703	NGUYỄN TUÔNG UYÊN	Nữ	05/02/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,5	8,0	6,5	0,0	1,5	1,5	7,50	6,00	7,75	Lịch sử	4,50			NPTG;
704	044	010704	PHẠM LÊ NGUYỄN VŨ	Nam	22/02/2002	Trạm y tế TT Phong Châu - Phù Ninh	Tốt	Khá	13,0	7,7	8,0	0,0	2,5	2,5	5,50	4,25	3,75	Lịch sử	8,00			HSG3; NPTG;
705	044	010705	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Nữ	31/08/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,6	8,3	7,5	0,0	1,0	1,0	5,75	9,25	2,75	Lịch sử	3,50			NPTK;
706	044	010706	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	02/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,5	7,9	6,0	0,0	1,5	1,5	6,00	5,75	4,00	Địa lí	5,00			NPTG;
707	044	010707	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	24/09/2002	BV KV Phú Thọ	Tốt	Khá	14,5	7,9	7,0	0,0	1,5	1,5	7,00	4,00	4,50	Địa lí	3,50			NPTG;
708	044	010708	PHÙNG MAI CHI	Nữ	19/02/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,6	8,1	7,0	0,0	1,5	1,5	5,50	7,75	4,50	Địa lí	5,00			NPTG;
709	044	010709	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	Nam	20/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	8,25	7,75	Địa lí	5,75	Ngữ văn	2,25	NPTG;
710	044	010710	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	21/12/2002	Thanh Sơn - Phú Thọ	Tốt	Khá	12,9	7,7	7,0	0,0	1,5	1,5	5,50	5,00	6,50	Địa lí	6,75			NPTG;
711	044	010711	TÔ QUỐC ĐẠT	Nam	27/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,0	7,6	6,0	0,0	1,5	1,5	6,50	6,75	5,50	Địa lí	0,75			NPTG;
712	044	010712	NGÔ HẢI ĐĂNG	Nam	09/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,0	7,5	5,5	0,0	1,5	1,5	6,00	7,25	4,00	Địa lí	6,00			NPTG;
713	044	010713	NGUYỄN HỮU ĐỊNH	Nam	04/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,2	7,6	6,0	0,0	1,5	1,5	7,00	7,25	6,25	Địa lí	7,25			NPTG;
714	044	010714	ĐÌNH THU GIANG	Nữ	27/09/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,4	7,4	6,0	0,0	1,5	1,5	3,50	3,25	1,25	Địa lí	2,00			NPTG;
715	044	010715	NGUYỄN THỊ HUƠNG GIANG	Nữ	26/12/2002	BV Dệt may KV Phú Thọ	Tốt	Khá	15,1	7,6	6,0	0,0	1,5	1,5	6,00	5,50	8,00	Địa lí	4,75			NPTG;
716	044	010716	ĐỒNG VŨ HẢI	Nam	01/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,3	7,5	6,0	0,0	1,5	1,5	5,50	9,00	7,50	Địa lí	4,75			NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBMcn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBMcn	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
717	044	010717	VŨ THỊ THANH HẢI	Nữ	28/03/2002	Trạm y tế xã Dữu Lâu	Tốt	Giỏi	16,7	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	6,50	4,50	Địa lí	3,25			NPTG;
718	044	010718	LẠI THÚY HIỀN	Nữ	12/10/2002	BV Dệt may KV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,75	6,00	Địa lí	5,00			NPTG;
719	044	010719	CHŨ THỊ HUYỀN	Nữ	28/01/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,3	8,5	0,0	1,5	1,5	6,50	9,50	7,50	Địa lí	7,75			NPTG;
720	044	010720	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	28/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,1	7,3	6,0	0,0	1,5	1,5	5,00	4,00	5,50	Địa lí	5,50			NPTG;
721	045	010721	NGUYỄN VĨNH HÙNG	Nam	12/09/2002	Mỹ Lung - Yên Lập - Phú Thọ	Tốt	Khá	13,9	7,5	6,0	1,0	1,5	2,5	6,25	6,75	5,25	Địa lí	4,25			DT; NPTG;
722	045	010722	PHAM NAM KHÁNH	Nam	05/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	16,7	7,8	10,0	0,0	3,5	3,5	5,50	7,00	4,00	Địa lí	4,50	Tiếng Anh		TDTT1; NPTG; TT4;
723	045	010723	ĐỖ VƯƠNG KỶ	Nam	06/08/2002	Trạm y tế phường Tiên Cát	Tốt	Giỏi	14,9	8,2	9,0	0,0	1,5	1,5	7,00	5,00	5,25	Địa lí	8,00			NPTG;
724	045	010724	ĐÀO NGỌC LINH	Nữ	26/07/2002	BV Dệt may KV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,4	9,0	2,0	1,5	3,5	7,00	7,75	6,25	Địa lí	8,00			CCS2; NPTG;
725	045	010725	LÊ NGỌC LINH	Nữ	24/03/2002	Đoan Hùng - Vĩnh Phú	Tốt	Khá	13,4	7,9	6,0	0,0	1,0	1,0	4,25	5,50	6,25	Địa lí	5,50			NPTK;
726	045	010726	NGUYỄN THẢO LINH	Nữ	28/07/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,0	7,9	7,5	0,0	1,5	1,5	4,00	5,75	5,50	Địa lí	5,25			NPTG;
727	045	010727	PHAM ÁI LINH	Nữ	03/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,3	7,8	6,0	0,0	1,5	1,5	5,75	5,50	6,00	Địa lí	5,25			NPTG;
728	045	010728	ĐÀO THỊ HỒNG LOAN	Nữ	24/06/2002	Hạ Hòa - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,3	7,5	6,5	0,0	1,5	1,5	5,75	8,25	4,75	Địa lí	5,25			NPTG;
729	045	010729	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Nữ	03/05/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,4	8,4	10,5	0,0	3,0	3,0	8,25	7,50	5,50	Địa lí	8,75	Ngữ văn	6,25	HSG2; NPTG;
730	045	010730	NGUYỄN HẰNG NGA	Nữ	28/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,7	10,0	0,0	2,5	2,5	5,75	7,50	8,00	Địa lí	9,00			HSG3; NPTG;
731	045	010731	VŨ THỊ THANH NGA	Nữ	19/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,7	8,4	9,5	0,0	2,5	2,5	6,00	4,25	4,00	Địa lí	7,25			HSG3; NPTG;
732	045	010732	NGUYỄN HOA NGÂN	Nữ	16/06/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Khá	Khá	12,8	7,3	5,0	0,0	1,5	1,5	5,00	3,50	2,25	Địa lí	6,25			NPTG;
733	045	010733	LÊ DUY NGỌ	Nam	06/04/2002	BV huyện lâm Thao, Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,6	8,5	9,0	0,0	2,5	2,5	7,00	5,75	7,25	Địa lí	7,75			HSG3; NPTG;
734	045	010734	LÊ BÍCH NGỌC	Nữ	29/04/2002	TT y tế TP Việt Trì	Tốt	Khá	14,5	8,1	6,0	0,0	1,5	1,5	5,25	4,25	8,00	Địa lí	6,75			NPTG;
735	045	010735	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	22/08/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,8	7,9	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	5,75	6,50	Địa lí	4,75			NPTG;
736	045	010736	VŨ MINH NGỌC	Nữ	29/06/2002	BVBMVTE Hà Nội	Tốt	Giỏi	16,7	8,3	10,0	0,0	2,0	2,0	5,25	8,50	6,50	Địa lí	8,25			HSG3; NPTK;
737	045	010737	HOÀNG PHƯƠNG NHUNG	Nữ	25/06/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,1	8,1	6,0	0,0	1,5	1,5	4,50	3,75	7,00	Địa lí	4,50			NPTG;
738	045	010738	NGUYỄN ANH PHƯƠNG	Nữ	21/07/2002	Bệnh viện Việt Trì	Tốt	Giỏi	15,7	8,5	11,0	0,0	2,5	2,5	8,00	8,00	1,75	Địa lí	9,00			HSG2; NPTK;
739	045	010739	LÊ TRÚC QUỲNH	Nữ	08/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,8	8,1	6,0	2,0	1,0	3,0	6,00	5,50	3,00	Địa lí	7,50			CCS2; NPTK;
740	045	010740	BÙI THANH TÂM	Nữ	08/01/2002	Viện BVBM & trẻ sơ sinh Hà Nội	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	10,0	0,0	2,5	2,5	7,00	7,50	8,25	Địa lí	8,00			HSG3; NPTG;
741	045	010741	ĐỖ THỊ THANH TÂM	Nữ	23/08/2002	Cẩm Khê - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,2	9,0	0,0	1,5	1,5	6,50	4,25	4,25	Địa lí	7,50	Ngữ văn	3,50	NPTG;
742	045	010742	LÊ VIỆT THANH	Nam	19/04/2002	Viện BVBM và trẻ sơ sinh	Tốt	Khá	13,5	7,6	8,0	0,0	2,5	2,5	5,00	6,00	3,25	Địa lí	1,25			TDTT3; NPTG;
743	046	010743	NGUYỄN TUẤN THÀNH	Nam	18/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Khá	Khá	15,2	8,1	8,0	0,0	2,5	2,5	5,75	5,25	5,75	Địa lí	5,25	Ngữ văn	1,50	TDTT3; NPTG;
744	046	010744	ĐOÀN HỮU THẮNG	Nam	30/10/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Khá	14,5	7,8	6,0	0,0	1,5	1,5	4,50	5,25	7,00	Địa lí	4,75			NPTG;
745	046	010745	ĐỖ THỊ MINH THU	Nữ	03/09/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,7	7,2	6,5	0,0	1,5	1,5	7,00	4,25	3,00	Địa lí	4,25			NPTG;
746	046	010746	HOÀNG PHƯƠNG THÙY	Nữ	19/10/2002	Lục Yên - Yên Bái	Tốt	Giỏi	15,3	8,4	7,5	0,0	1,5	1,5	7,50	6,75	8,00	Địa lí	6,00			NPTG;
747	046	010747	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	05/10/2002	Trạm y tế xã Lương Lỗ, Thanh Ba	Tốt	Khá	14,9	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	6,00	7,50	Địa lí	7,25			NPTG;
748	046	010748	NGUYỄN MẠNH TÚ	Nam	18/06/2002	BV Dệt may KV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	9,0	0,0	1,5	1,5	7,00	6,25	7,25	Địa lí	7,25			NPTG;
749	046	010749	BÙI THỊ MỸ UYÊN	Nữ	05/01/2002	Trạm y tế xã Sơn Vi	Tốt	Khá	15,0	7,7	8,5	0,0	2,5	2,5	8,00	3,25	5,00	Địa lí	7,50			HSG3; NPTG;
750	046	010750	HOÀNG NHẬT VÂN	Nữ	31/05/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,3	7,7	6,0	0,0	1,0	1,0	7,00	7,00	3,25	Địa lí	3,75			NPTK;
751	046	010751	NGUYỄN VIỆT AN	Nam	18/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,4	7,8	6,0	0,0	1,5	1,5	6,25	7,75	5,75	Tiếng Pháp	3,30			NPTG;
752	046	010752	ĐÀO MAI ANH	Nữ	03/09/2002	Trạm y tế phường Minh Nông	Tốt	Giỏi	17,2	8,4	7,5	0,0	0,5	0,5	7,50	9,50	8,50	Tiếng Pháp	4,70			NPTTB;
753	046	010753	NGUYỄN ĐỖ NGUYỄN ANH	Nam	09/09/2002	Bệnh viện Tulane Hoa Kỳ	Tốt	Khá	13,9	8,0	7,0	0,0	1,5	1,5	4,00	8,00	7,00	Tiếng Pháp	6,70	Toán		NPTG;
754	046	010754	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	Nữ	08/06/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,6	11,0	0,0	3,0	3,0	7,50	9,25	5,00	Tiếng Pháp	3,40			KTLM2; NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBcơ bản	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
755	046	010755	NGUYỄN VĂN ANH	Nữ	24/07/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,7	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	7,50	7,50	Tiếng Pháp	2,80			NPTG;
756	046	010756	HÀ CẨM BÌNH	Nữ	24/11/2002	Khoa sản BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,0	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	9,25	7,25	Tiếng Pháp	4,50			NPTG;
757	046	010757	LÊ CẨM CHÂU	Nữ	20/11/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,6	8,0	0,0	1,0	1,0	8,50	9,50	8,50	Tiếng Pháp	5,90	Ngữ văn	4,50	NPTK;
758	046	010758	ĐỖ LAN CHI	Nữ	18/07/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,6	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	5,50	3,50	Tiếng Pháp	2,60			NPTG;
759	046	010759	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	16/10/2002	Trạm y tế phường Tiên Cát	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	7,5	0,0	1,5	1,5	8,00	8,00	8,00	Tiếng Pháp	2,70			NPTG;
760	046	010760	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	05/06/2002	Bệnh viện phụ sản Hà Nội	Tốt	Khá	14,2	7,8	6,0	0,0	1,5	1,5	6,50	7,75	8,00	Tiếng Pháp	3,80			NPTG;
761	046	010761	DƯƠNG THANH CHÚC	Nữ	07/10/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,3	8,7	11,0	0,0	3,0	3,0	8,25	9,50	8,50	Tiếng Pháp	3,90			HSG2; NPTG;
762	046	010762	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	21/10/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,4	7,5	0,0	1,5	1,5	8,00	8,00	6,25	Tiếng Pháp	5,60			NPTG;
763	046	010763	ĐINH HIỀN DUNG	Nữ	10/10/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,9	8,4	7,5	0,0	1,5	1,5	6,50	8,75	7,25	Tiếng Pháp	3,80			NPTG;
764	046	010764	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Nữ	21/10/2002	Trạm y tế Phường	Tốt	Khá	15,3	8,3	7,0	0,0	1,5	1,5	6,50	9,25	5,00	Tiếng Pháp	3,70			NPTG;
765	047	010765	NGUYỄN KIM DUY	Nam	01/06/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,4	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	9,00	7,25	Tiếng Pháp	5,90			NPTG;
766	047	010766	ĐINH THÀNH ĐẠT	Nam	10/05/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,8	8,0	6,5	0,0	1,5	1,5	6,75	8,50	7,25	Tiếng Pháp	3,40			NPTG;
767	047	010767	LÊ HẢI ĐĂNG	Nam	24/06/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,4	7,6	6,0	0,0	1,5	1,5	5,50	9,25	3,50	Tiếng Pháp	4,30			NPTG;
768	047	010768	LÊ HÀ MINH ĐỨC	Nam	29/10/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,75	6,25	Tiếng Pháp	6,30			NPTG;
769	047	010769	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	Nữ	19/08/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,7	7,5	0,0	1,5	1,5	7,50	8,50	8,00	Tiếng Pháp	3,40			NPTG;
770	047	010770	TRẦN THU HÀ	Nữ	11/11/2002	BV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	7,5	0,0	1,5	1,5	6,75	8,00	5,75	Tiếng Pháp	3,40			NPTG;
771	047	010771	NGUYỄN KHÁNH HÀ	Nữ	04/10/2002	Trạm y tế xã Hy Cương	Tốt	Giỏi	16,5	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,00	8,00	Tiếng Pháp	5,50			NPTG;
772	047	010772	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	24/11/2002	BV Dệt may KV Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,9	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	9,50	7,50	Tiếng Pháp	4,30	Tiếng Anh	2,50	NPTG;
773	047	010773	LÊ HOÀNG THẢO HIỀN	Nữ	19/03/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,7	10,0	0,0	2,5	2,5	7,00	9,25	7,25	Tiếng Pháp	4,70	Tiếng Anh		HSG3; NPTG;
774	047	010774	LÊ THÚY HIỀN	Nữ	17/07/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Khá	14,3	7,9	6,5	0,0	1,5	1,5	7,25	8,75	5,25	Tiếng Pháp	3,70			NPTG;
775	047	010775	LÊ MINH HIẾU	Nam	26/02/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	5,50	8,00	8,25	Tiếng Pháp	3,20			NPTG;
776	047	010776	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	05/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	8,50	6,50	Tiếng Pháp	5,00	Tiếng Anh		NPTG;
777	047	010777	ĐỖ DANH HOÀNG	Nam	15/02/2002	Liên bang Nga	Tốt	Khá	14,0	7,9	6,5	0,0	1,5	1,5	6,50	8,25	6,25	Tiếng Pháp	4,10			NPTG;
778	047	010778	NGUYỄN KIM HOÀNG	Nam	13/07/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,9	8,1	6,0	0,0	1,5	1,5	4,75	8,25	5,50	Tiếng Pháp	5,60	Tiếng Anh	4,20	NPTG;
779	047	010779	LUƠNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	20/12/2002	Trung tâm y tế huyện Thuận An	Tốt	Khá	12,7	7,1	6,0	0,0	1,5	1,5	4,25	5,50	2,00	Tiếng Pháp	3,60			NPTG;
780	047	010780	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	18/10/2002	Trạm y tế TT Phong Châu	Tốt	Giỏi	15,4	8,2	8,0	0,0	1,5	1,5	7,25	9,25	5,50	Tiếng Pháp	4,70	Ngữ văn	5,50	NPTG;
781	047	010781	TRƯƠNG MAI HUYỀN	Nữ	30/12/2002	Budapest	Tốt	Giỏi	15,1	8,5	8,0	0,0	1,5	1,5	8,00	9,75	6,25	Tiếng Pháp	6,80	Tiếng Anh	5,40	NPTG;
782	047	010782	TA THỊ NGỌC HƯƠNG	Nữ	27/10/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,9	8,6	6,5	0,0	1,5	1,5	6,25	7,75	6,25	Tiếng Pháp	4,60			NPTG;
783	047	010783	ĐÀO THU HƯỜNG	Nữ	13/02/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,8	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	9,00	8,00	Tiếng Pháp	4,40			NPTG;
784	047	010784	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	06/01/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,7	8,0	0,0	1,5	1,5	6,50	9,00	8,25	Tiếng Pháp	6,50			NPTG;
785	047	010785	NGUYỄN NHẬT LAM	Nữ	30/08/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,2	8,4	7,0	1,0	1,5	2,5	8,00	9,50	5,25	Tiếng Pháp	2,70			DT; NPTG;
786	047	010786	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN	Nữ	02/04/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,9	7,9	7,0	0,0	1,0	1,0	6,50	6,50	5,00	Tiếng Pháp	2,50			NPTK;
787	048	010787	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	14/08/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	7,75	8,75	8,25	Tiếng Pháp	4,60	Tiếng Anh	2,20	NPTG;
788	048	010788	NGÔ HẢI LONG	Nam	16/12/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	14,9	8,1	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	9,25	7,75	Tiếng Pháp	2,50			NPTG;
789	048	010789	NGUYỄN ĐẶNG LỘC	Nam	21/04/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	14,3	7,9	7,5	0,0	1,5	1,5	6,25	8,00	7,00	Tiếng Pháp	3,70			NPTG;
790	048	010790	ĐOÀN THỊ HƯƠNG LY	Nữ	29/09/2002	Trạm y tế phường Tiên Cát	Tốt	Giỏi	15,0	8,3	7,5	0,0	1,5	1,5	6,00	8,25	4,50	Tiếng Pháp	3,10			NPTG;
791	048	010791	VŨ TRÀ MY	Nữ	22/06/2002	Trạm y tế xã Trung Vương	Tốt	Giỏi	16,9	8,8	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,25	8,50	Tiếng Pháp	3,60			NPTG;
792	048	010792	ĐỖ NHẬT NAM	Nam	20/09/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,4	8,6	8,0	0,0	1,5	1,5	6,25	8,25	6,00	Tiếng Pháp	3,70			NPTG;

STT	Phòng thi chung	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	HK	HL	Điểm TBMcn Toán+ Ngữ văn	Điểm TBMcn	Điểm sơ tuyển	Điểm cộng thêm			Điểm thi các môn chung			Điểm thi NV 1		Điểm thi NV 2		Ghi chú
												UT	KK	Tổng	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Môn	Điểm	Môn	Điểm	
793	048	010793	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	Nam	03/04/2002	Sông Thao - Phú Thọ	Tốt	Khá	15,0	8,2	7,5	0,0	1,5	1,5	6,00	8,00	6,75	Tiếng Pháp	3,60			NPTG;
794	048	010794	TRIỆU ÁNH NGỌC	Nữ	27/03/2002	BV Lâm Thao	Tốt	Giỏi	17,6	9,0	8,0	0,0	1,5	1,5	6,00	9,25	7,50	Tiếng Pháp	5,60			NPTG;
795	048	010795	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	Nam	19/03/2002	Trạm y tế Tiên Cát Việt Trì	Tốt	Khá	13,4	7,3	6,5	0,0	1,5	1,5	4,50	7,75	5,50	Tiếng Pháp	2,60			NPTG;
796	048	010796	ĐỖ HỒNG NHUNG	Nữ	26/09/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	15,5	8,3	7,0	0,0	1,5	1,5	7,00	8,25	8,00	Tiếng Pháp	2,90			NPTG;
797	048	010797	LÊ CẨM NHUNG	Nữ	12/11/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,8	8,6	12,0	0,0	3,5	3,5	8,25	9,25	5,00	Tiếng Pháp	2,60			KTLMQG; NPTG;
798	048	010798	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	11/09/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	15,2	8,2	7,5	0,0	1,5	1,5	7,00	8,75	5,50	Tiếng Pháp	3,60			NPTG;
799	048	010799	NGUYỄN ĐỖ NAM PHƯƠNG	Nam	19/05/2002	Tràng Thi - Hà Nội	Tốt	Khá	12,6	7,6	7,0	1,0	1,5	2,5	5,75	7,25	6,50	Tiếng Pháp	3,00			DT; NPTG;
800	048	010800	NGUYỄN ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	Nam	19/05/2002	Tràng Thi - Hà Nội	Tốt	Khá	12,1	7,3	6,5	1,0	1,5	2,5	6,00	8,00	5,00	Tiếng Pháp	3,10			DT; NPTG;
801	048	010801	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	Nữ	11/07/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	8,0	1,0	1,5	2,5	6,75	9,75	8,50	Tiếng Pháp	5,40			CDT; NPTG;
802	048	010802	TRẦN XUÂN PHƯƠNG	Nữ	21/10/2002	Trạm xá Tiên Cát, Việt Trì	Tốt	Khá	14,3	7,9	6,0	0,0	1,5	1,5	7,00	7,75	5,75	Tiếng Pháp	4,30			NPTG;
803	048	010803	GIANG HỒNG PHƯƠNG	Nữ	14/07/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	8,0	0,0	1,0	1,0	8,25	9,00	7,50	Tiếng Pháp	5,90			NPTK;
804	048	010804	TRIỆU MINH THU	Nữ	09/08/2002	BVĐK Phú Thọ	Tốt	Khá	15,3	8,0	6,5	0,0	1,5	1,5	7,25	7,75	4,00	Tiếng Pháp	2,80			NPTG;
805	048	010805	VŨ SONG THU	Nữ	04/12/2002	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Tốt	Khá	13,6	7,7	6,0	0,0	1,5	1,5	5,50	9,00	1,50	Tiếng Pháp	3,10			NPTG;
806	048	010806	TẠ THU TRANG	Nữ	11/10/2002	Việt Trì - Phú Thọ	Tốt	Giỏi	17,2	8,7	9,0	0,0	1,5	1,5	7,50	8,75	8,50	Tiếng Pháp	3,50			NPTG;
807	048	010807	ĐÀO ĐỨC TRUNG	Nam	06/07/2002	Trung tâm y tế huyện Yên Lập	Tốt	Khá	13,8	7,3	6,0	1,0	1,5	2,5	4,00	7,25	6,00	Tiếng Pháp	2,30			CDT; NPTG;
808	048	010808	CHŨ QUANG VŨ	Nam	03/12/2002	BV tỉnh Phú Thọ	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	8,0	0,0	1,5	1,5	7,50	9,00	6,75	Tiếng Pháp	5,50			NPTG;

Bảng này có 808 thí sinh đăng ký dự thi

NGƯỜI GHÉP ĐIỂM VÀ IN

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hương

NGƯỜI ĐỌC VÀ SOÁT BẢN IN

(Đã ký)

Lê Thị Thu Hà

Phạm Hồng Sơn

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Khải

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tường